

**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.**

## **BẢN CÁO BẠCH**



### **CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RI**

*(Giấy chứng nhận ĐKKD số 3500701305 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 01 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần 02 ngày 20 tháng 05 năm 2009)*

## **NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Quyết định chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu số ...  
do Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM cấp ngày ... tháng ... năm 2009)*

*Bản cáo bạch này sẽ được cung cấp tại:*

**1. Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (BTP)**

Quốc lộ 51, phường Long Hương, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu  
Điện thoại : (84.64) 2212 811 Fax : (84.64) 3825 985

**2. Trụ sở chính Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)**

72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM  
Điện thoại : (84.8) 3824 2897 Fax : (84.8) 3824 4259  
Email : [ssi@ssi.com.vn](mailto:ssi@ssi.com.vn) Website : [www.ssi.com.vn](http://www.ssi.com.vn)

*Phụ trách công bố thông tin:*

Họ tên: Ông Phạm Quốc Thái  
Số điện thoại: 0962 501 004

Chức vụ: Kế toán trưởng  
Fax: 064 3825 985

# CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA (BTP)

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 3500701305 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 01 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần 02 ngày 20 tháng 05 năm 2009)

## NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết:	60.485.600 cổ phiếu (Sáu mươi triệu, bốn trăm tám mươi lăm nghìn, sáu trăm cổ phiếu)
Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá):	604.856.000.000 (Sáu trăm linh bốn tỷ tám trăm năm mươi sáu triệu) đồng

### TỔ CHỨC TƯ VẤN:

#### ❖ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

*Trụ sở chính*

Địa chỉ : 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM  
Điện thoại : (84.8) 3824 2897 Fax : (84.8) 3824 7430  
Email : [ssi@ssi.com.vn](mailto:ssi@ssi.com.vn) Website : [www.ssi.com.vn](http://www.ssi.com.vn)

### TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

#### ❖ Công ty TNHH Kiểm toán Phương Đông ICA

Địa chỉ : Số 208, Nguyễn Trọng Tuyển, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại : (84.4) 4491 476/4491 477 Fax: (84.4) 4491 475  
Email : [pcahcm@pca.com.vn](mailto:pcahcm@pca.com.vn)

---

## MỤC LỤC

<b>I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO</b>	<b>1</b>
1. Rủi ro về kinh tế	1
2. Rủi ro về luật pháp	1
3. Rủi ro vận hành sản xuất	1
4. Rủi ro biến động nguồn nhiên liệu	2
5. Rủi ro về thị trường	2
6. Rủi ro về tỷ giá	2
7. Rủi ro liên quan đến biến động giá cổ phiếu niêm yết	2
8. Rủi ro khác	2
<b>II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH</b>	<b>2</b>
<b>III. CÁC KHÁI NIỆM</b>	<b>4</b>
<b>IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT</b>	<b>5</b>
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	5
1.1 Giới thiệu chung về Công ty	5
1.2 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	6
2. Cơ cấu tổ chức Công ty	8
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	8
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ	11
4.1. Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ đến thời điểm 31/7/09	11
4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ đông trở lên và tỷ lệ cổ phần nắm giữ đến 31/07/2009	13
4.3. Cơ cấu vốn cổ đông tại thời điểm 31/07/2009	14

<b>5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những Công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết</b>	<b>14</b>
<b>6. Hoạt động kinh doanh</b>	<b>15</b>
6.1. Sản lượng điện sản xuất qua các năm	15
6.2. Sản phẩm dịch vụ chính	16
6.3. Nguyên vật liệu	18
6.4. Chi phí sản xuất	18
6.5. Trình độ công nghệ	20
6.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới	26
6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ	26
6.8. Hoạt động Marketing	27
6.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	27
6.10. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết	27
<b>7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất và 9 tháng đầu năm 2009</b>	<b>29</b>
7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất và 9 tháng đầu năm 2009	29
7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo 36	
<b>8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành</b>	<b>37</b>
8.1. Vị thế của Công ty trong ngành	37
8.2. Triển vọng phát triển của ngành	37
8.3. Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới	38
<b>9. Chính sách đối với người lao động</b>	<b>38</b>
<b>10. Chính sách cổ tức</b>	<b>40</b>
<b>11. Tình hình hoạt động tài chính</b>	<b>41</b>

11.1.	Các chỉ tiêu cơ bản	41
11.2.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	45
12.	Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	47
13.	Tài sản	59
14.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo và kế hoạch đầu tư	60
14.1.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2009 – 2011	60
14.2.	Căn cứ để đạt các chỉ tiêu nêu trên	61
14.3.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh và định hướng đầu tư phát triển	62
15.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	62
16.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết	64
17.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan đến Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết	64
<b>V.</b>	<b>CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT</b>	<b>65</b>
1.	Loại cổ phiếu	65
2.	Mệnh giá cổ phiếu	65
3.	Tổng số cổ phiếu niêm yết	65
4.	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật	65
4.1.	Hạn chế chuyển nhượng cổ phần đối với cổ đông sáng lập	65
4.2.	Hạn chế chuyển nhượng đối với thành viên HĐQT, Ban TGD, BKS, Kế toán trưởng	65
5.	Phương pháp tính giá	66
6.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	67
7.	Các loại thuế có liên quan	67
<b>VI.</b>	<b>CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT</b>	<b>70</b>
1.	Tổ chức kiểm toán	70
2.	Tổ chức tư vấn	70



**VII. PHỤ LỤC**

**73**

## DANH SÁCH BẢNG BIỂU VÀ HÌNH VẼ

<b>Bảng 1: Danh sách cổ đông sáng lập</b>	<b>12</b>
<b>Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ đông trở lên</b>	<b>13</b>
<b>Bảng 3: Cơ cấu vốn cổ đông tại thời điểm 31/07/2009</b>	<b>14</b>
<b>Bảng 4: Sản lượng điện từ năm 1995 đến 9 tháng đầu năm 2009</b>	<b>15</b>
<b>Hình 2: Sản lượng điện thực hiện hàng năm</b>	<b>16</b>
<b>Bảng 5: Cơ cấu doanh thu từ năm 2007 đến Quý 3/2009</b>	<b>16</b>
<b>Bảng 6: Cơ cấu lợi nhuận từ năm 2007 đến 9 tháng đầu năm 2009</b>	<b>17</b>
<b>Bảng 7: Chi phí sản xuất từ năm 2007 đến 9 tháng đầu năm 2009</b>	<b>19</b>
<b>Bảng 8: Kết quả hoạt động kinh doanh 2007, 2008 và 9 tháng đầu năm 2009</b>	<b>29</b>
<b>Bảng 9: Kế hoạch công suất điện đến năm 2025</b>	<b>38</b>
<b>Bảng 10: Cơ cấu lao động tại 31/6/2009</b>	<b>38</b>
<b>Bảng 11: Các quỹ trích lập năm 2007 và năm 2008</b>	<b>42</b>
<b>Bảng 12: Các khoản phải thu</b>	<b>43</b>
<b>Bảng 13: Các khoản phải trả</b>	<b>44</b>
<b>Bảng 14: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu</b>	<b>45</b>
<b>Bảng 15: Danh sách HĐQT, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng</b>	<b>47</b>
<b>Bảng 16: Một số tài sản chủ yếu của Công ty tại thời điểm 30/9/2009</b>	<b>59</b>
<b>Bảng 17: Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2009 - 2011</b>	<b>60</b>
<b>Bảng 18: Danh sách các cam kết nhưng chưa thực hiện</b>	<b>64</b>
<b>Bảng 19: Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng căn cứ vào sổ cổ đông chốt ngày 31/7/2009</b>	<b>65</b>

## **NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

### **I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO**

#### **1. Rủi ro về kinh tế**

Sự phát triển hay tụt hậu của kinh tế Việt Nam đều ảnh hưởng đến phát triển nông nghiệp, công nghiệp, các công trình đầu tư hạ tầng cơ sở, mở rộng nhà máy trong đất nước kéo theo là nhu cầu sử dụng điện năng phục vụ sản xuất và sinh hoạt. Tuy nhiên, thị trường sản xuất điện năng ở Việt Nam hiện nay đang tăng trưởng với đặc điểm sức cầu luôn vượt sức cung. Nhu cầu về điện tăng ở mức 13-15%/năm, cao hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế và tốc độ sản xuất điện trong nước (Nguồn: Bộ Công Thương). Do vậy, sự biến động của kinh tế nước ta ít ảnh hưởng đến việc sản xuất điện.

#### **2. Rủi ro về luật pháp**

Rủi ro về luật pháp đối với ngành điện không cao do đây là ngành được Nhà nước khuyến khích đầu tư. Tuy nhiên, do hệ thống luật của Việt Nam chưa thật hoàn chỉnh, sự thay đổi về chính sách ưu đãi đầu tư, thuế..., điều này có thể có ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Là một Công ty cổ phần hoạt động theo luật Doanh nghiệp, bất cứ sự thay đổi nào về pháp luật và môi trường pháp lý đều tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Mặt khác, là nhà máy nhiệt điện, Công ty còn chịu ảnh hưởng của các chính sách và luật ban hành về môi trường có thể gây ảnh hưởng tới hoạt động của nhà máy.

#### **3. Rủi ro vận hành sản xuất**

Do đặc thù Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa là đơn vị sản xuất điện, các tổ máy vận hành liên tục 24h/ngày, chỉ dừng lại theo chu kỳ bảo dưỡng, đại tu.

Trong 10 tổ máy chủ yếu là công nghệ của Châu Âu, nhưng 2 tổ máy GT1 và GT2 thời gian đưa vào hoạt động khá lâu trên 15 năm và chỉ hoạt động theo chu trình đơn, nên chi phí để hoạt động khá cao so với các tổ máy khác. Do vậy, hai tổ máy này chỉ phát trong giờ cao điểm. Chi phí hàng năm phải đầu tư sửa chữa, bảo dưỡng lớn, do đó ảnh hưởng đến sản lượng điện phát ra và chi phí giá thành.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty còn chịu sự rủi ro về sự cố đối với một số chi tiết máy trong hệ thống máy móc cũng sẽ ảnh hưởng đến công suất sản xuất điện của tổ máy chính (ví dụ như: đường nước, đường hơi, sấy không khí, hệ thống van khí, dầu bôi trơn...). Trong trường hợp xảy ra những sự cố này, doanh thu và lợi nhuận của Công ty sẽ bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, Công ty có biện pháp giảm thiểu các rủi ro về thiết bị hỏng bằng việc tuân thủ các quy trình nghiêm ngặt về bảo dưỡng, đại tu máy móc thiết bị định kỳ, thường xuyên kiểm tra máy trong suốt thời gian vận hành, thực hiện quy trình vận hành nghiêm ngặt, đặt mục tiêu an toàn lao động và duy trì sản xuất liên tục.



#### **4. Rủi ro biến động nguồn nhiên liệu**

Giá thành sản xuất phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố nhiên liệu đầu vào như khí, dầu DO. Sản lượng điện từ khí chiếm trên 60% tổng sản lượng điện. Do vậy, Công ty chịu rủi ro nếu nguồn khí không ổn định. Ngoài ra, khi giá nguyên nhiên liệu biến động tăng, giá thành sản xuất điện của Công ty cũng chịu ảnh hưởng, hạn chế khả năng cạnh tranh của Công ty về giá điện khi tham gia thị trường điện, làm giảm hiệu quả kinh doanh.

#### **5. Rủi ro về thị trường**

Theo xu hướng phát triển gần đây của ngành, bước đầu hình thành một thị trường phát điện cạnh tranh, là tiền đề cho khả năng cạnh tranh về bán điện của các nhà máy sản xuất cho EVN. Trong thời gian trước mắt, giá bán điện cho EVN vẫn ổn định trong khung giá của Bộ Công nghiệp, trong đó quy định rõ mức giá trần và giá sàn cho từng loại hình nhà máy sản xuất điện. Do đó nếu có rủi ro về biến động giá nguyên nhiên liệu đầu vào thì hoạt động của Công ty vẫn bảo đảm duy trì mức lợi nhuận tối thiểu. Tuy nhiên, điều đó cũng sẽ là yếu tố làm cho doanh thu và lợi nhuận của Công ty khó có sự tăng trưởng đột phá.

Bên cạnh đó, trong dài hạn khi các doanh nghiệp sản xuất điện tham gia vào thị trường cạnh tranh, Công ty sẽ chịu thêm sự cạnh tranh từ các doanh nghiệp trong cùng ngành.

#### **6. Rủi ro về tỷ giá**

Hiện tại, Công ty đã vay để đầu tư cho tổ máy đuôi hơi số 9 và số 10 bằng nguồn nhận lại nợ vay từ EVN và nguồn vay ODA Hàn Quốc. Đây là khoản vay bằng ngoại tệ (Won Hàn Quốc, USD). Giá bán điện của Công ty được tính bằng đồng Việt Nam, nhưng Công ty phải trả lãi vay và gốc vay bằng ngoại tệ (USD và Won Hàn Quốc). Giá mua nhiên liệu khí bằng USD, theo hợp đồng mua bán ký đã ký kết, tỷ giá hạch toán là tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm xuất hoá đơn, khi thanh toán là tỷ giá bán ra của ngân hàng Ngoại Thương Vũng Tàu. Nếu tỷ giá biến động theo xu hướng giảm, Công ty sẽ có khoản lợi nhuận từ việc đánh giá lại chênh lệch tỷ giá. Ngược lại, nếu tỷ giá biến động theo xu hướng tăng Công ty sẽ phải chịu nhiều rủi ro về tỷ giá đối với các khoản này.

#### **7. Rủi ro liên quan đến biến động giá cổ phiếu niêm yết**

Khi tham gia đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, giá cổ phiếu Công ty sẽ được xác định bởi quan hệ cung cầu của thị trường và mối quan hệ cung cầu này lại phụ thuộc vào nhiều yếu tố mang tính kinh tế lẫn tâm lý của nhà đầu tư trên bình diện vi mô lẫn vĩ mô, vì vậy giá cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa không nằm ngoài quy luật chung đó.

#### **8. Rủi ro khác**

Các rủi ro như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

## **II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG**



## **BẢN CÁO BẠCH**

### **1. Tổ chức niêm yết**

<b>Ông Phạm Hữu Hạnh</b>	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
<b>Ông Huỳnh Lin</b>	Chức vụ: Giám đốc
<b>Ông Phạm Quốc Thái</b>	Chức vụ: Kế toán trưởng
<b>Ông Lưu Văn Hồng</b>	Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### **2. Tổ chức tư vấn**

<b>Ông Nguyễn Hồng Nam</b>	Chức vụ: Giám đốc Điều hành
----------------------------	-----------------------------

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (BTP). Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do BTP cung cấp.

### III. CÁC KHÁI NIỆM

Công ty	:	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Cổ phiếu	:	Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Tổ chức niêm yết	:	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Tổ chức tư vấn	:	Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn (SSI)
Tổ chức kiểm toán	:	Công ty kiểm toán
EVN	:	Tập đoàn điện lực Việt Nam
BTP	:	Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
SSI	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn
HOSE	:	Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM
GT1	:	Gasturbine 1
GT2	:	Gasturbine 2
CBNV	:	Cán bộ nhân viên
Dầu DO	:	Diesel oil
EVN	:	Tập đoàn Điện lực Việt Nam
ODA	:	Hỗ trợ phát triển chính thức
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
BKS	:	Ban kiểm soát
GĐKKD	:	Giấy đăng ký kinh doanh
USD	:	Đôla Mỹ
VNĐ	:	Đồng Việt Nam

## IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

#### 1.1 Giới thiệu chung về Công ty

- Tên giao dịch đầy đủ bằng Tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RIẢ**
- Tên giao dịch tiếng Anh: **BA RIA THERMAL POWER JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **BTP**



- Logo:
- Trụ sở chính: Khu phố Hương Giang, phường Long Hương, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
- Điện thoại: (84-64) 2212 811 Fax: (84-64) 3825 985
- Website: [www.btp.com.vn](http://www.btp.com.vn)
- Mã số thuế: 3500701305
- Nơi mở tài khoản:

TT	Ngân hàng giao dịch	Số tài khoản	
		VNĐ	USD
1.	Ngân hàng xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa	18031.4851.000450	
2.	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển thị xã Bà Rịa	761.10.00.000248.3	
3.	Ngân hàng TMCP An Bình chi nhánh Vũng Tàu	4211.30.00.V0.00171	0321.00199.2008

- Vốn điều lệ theo báo cáo kiểm toán thời điểm 31/12/2008 là: 604.856.000.000 (Sáu trăm lẻ bốn tỷ, tám trăm năm mươi sáu triệu) đồng
- Vốn thực góp: Vốn góp thực tế đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 629.224.034.306 bao gồm Vốn Nhà nước- Tập đoàn Điện lực Việt Nam: 505.583.604.306 và vốn đối tượng khác. Tính đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán năm 2008, Công ty vẫn chưa hoàn tất việc quyết toán lần 2 phần vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển thành công ty cổ phần. Như vậy phần chênh lệch

là 24,36 tỷ đồng là do phần chênh lệch vốn nhà nước. Hiện tại công ty đang tích cực thực hiện việc quyết toán này.

- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 60.485.600 cổ phiếu
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu (theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):
  - ✓ Sản xuất, kinh doanh điện năng;
  - ✓ Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh, cải tạo thiết bị điện, các công trình điện, các công trình kiến trúc nhà máy điện;
  - ✓ Mua bán vật tư, thiết bị;
  - ✓ Lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng;
  - ✓ Thi công lắp đặt các công trình công nghiệp;
  - ✓ Sản xuất nước cất, nước uống đóng chai;
  - ✓ Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại và dịch vụ có liên quan đến công việc chế tạo kim loại;
  - ✓ Lắp đặt thiết bị cho các công trình xây dựng;
  - ✓ Cho thuê thiết bị, tài sản cố định, cầu cảng, văn phòng;
  - ✓ Cho thuê phương tiện vận tải;
  - ✓ Kinh doanh nhà hàng, khách sạn;
  - ✓ Kinh doanh bất động sản;
  - ✓ Chế biến và kinh doanh nông sản;
  - ✓ Chế biến và kinh doanh hải sản (địa điểm chế biến phải phù hợp với quy hoạch của ngành và từng địa phương. Doanh nghiệp không được chế biến từ phường 1 đến phường 12 thuộc thành phố Vũng Tàu);
  - ✓ Vận tải hành khách theo hợp đồng;
  - ✓ Vận tải, bốc dỡ hàng hóa.

## **1.2 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

- Nhà máy Điện Bà Rịa (nay là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa) được thành lập theo quyết định số 640 NL/TCCB - LĐ của Bộ Năng lượng vào ngày 24/12/1992, là đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty Điện lực 2 thuộc Bộ Năng lượng.
- Kể từ ngày 01 tháng 04 năm 1995 Nhà máy chuyển thành đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (theo quyết định số 102 NL/TCCB-LĐ ngày 04/06/1995 của Bộ Năng lượng), hạch toán phụ thuộc.
- Ngày 30/03/2005 Bộ Công nghiệp có quyết định số 14/2005/QĐ-BCN chuyển Nhà máy Nhiệt điện Bà Rịa thành Công ty Nhiệt điện Bà Rịa, hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam. Ngày 18/05/2005, Tổng Công ty Điện lực Việt Nam có văn bản số 2436/CV-EVN-

TCKT hướng dẫn bàn giao tài chính khi chuyển các nhà máy điện thành Công ty hạch toán độc lập, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, theo đó Nhà máy Nhiệt điện Bà Rịa chính thức chuyển sang hạch toán độc lập từ ngày 01 tháng 07 năm 2005.

- Thực hiện Quyết định số 3944/QĐ-BCN ngày 29/12/2006 của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hóa, Công ty Nhiệt điện Bà Rịa đã hoàn thành công tác cổ phần hóa và chính thức chuyển đổi sang hình thức Công ty cổ phần với tên mới là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 3500701305 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp đăng ký lần đầu ngày 01/11/2007, sửa đổi lần 01 ngày 12/5/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 02 và cấp đổi mã số doanh nghiệp ngày 20/5/2009.
- Các sự kiện chính:

01/1993	Tổ máy GT3 và GT4 được đưa vào vận hành
30/6/1993	Thành lập Nhà máy Điện Bà Rịa trực thuộc Công ty Điện lực 2 thuộc Bộ Năng Lượng theo quyết định của Bộ Trưởng Bộ Năng Lượng
01/1994	Tổ máy GT5; GT6 và GT7 được đưa vào vận hành
04/3/1995	Chuyển Nhà máy Điện Bà Rịa theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Năng lượng thuộc Công ty Điện lực 2 về trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam
5/1996	Tổ máy GT8 được đưa vào vận hành
3/1999	Chu trình Tua bin khí hỗn hợp 306 – 1 (ST9 kết hợp với GT5, GT6, GT7) được đưa vào vận hành
02/2002	Chu trình Tua bin khí hỗn hợp 306 – 2 (ST10 kết hợp với GT3, GT4, GT8) được đưa vào vận hành
30/3/2005	Bộ Công nghiệp quyết định chuyển nhà máy nhiệt điện Bà Rịa thành Công ty Nhiệt điện Bà Rịa
29/12/2006	Bộ Công nghiệp có quyết định về việc phê duyệt phương án chuyển Công ty Nhiệt điện Bà Rịa thành Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
01/11/2007	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp giấy phép đăng ký kinh doanh lần đầu cho Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
12/5/2008	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp giấy phép đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 01 cho Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
20/5/2009	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp giấy phép đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 02 và cấp đổi mã số Doanh nghiệp cho Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa



## **2. Cơ cấu tổ chức Công ty**

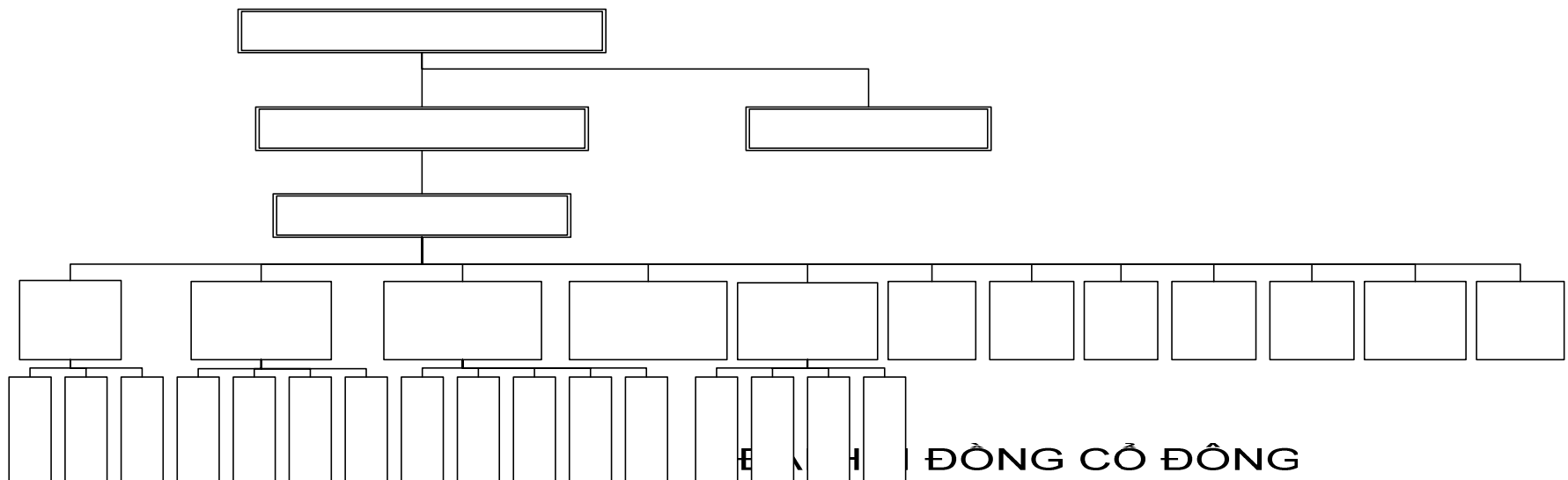
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa có trụ sở chính tại Quốc lộ 51, phường Long Hương, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Điện thoại: (84.64) 2212 811

Fax : (84.64) 3825 985

## **3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty**

Công ty hiện có 12 đơn vị gồm các phòng kỹ thuật nghiệp vụ và các phân xưởng, được chia làm 03 khối gồm khối các phòng kỹ thuật nghiệp vụ, khối vận hành và khối sửa chữa.



**Hình 1:** Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**BAN GIÁM ĐỐC/TỔNG  
GIÁM ĐỐC**



**Đại hội đồng cổ đông**

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. ĐHĐCĐ là cơ quan thông qua chủ trương chính sách đầu tư dài hạn trong việc phát triển Công ty, quyết định cơ cấu vốn, bầu ra cơ quan quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

**Hội đồng Quản trị**

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan tới mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ quyết định. Hội đồng quản trị xây dựng định hướng, chính sách tồn tại và phát triển để thực hiện các quyết định của ĐHĐCĐ thông qua việc hoạch định chính sách, ra nghị quyết hành động cho từng thời điểm phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

**Ban Kiểm soát**

Do ĐHĐCĐ bầu, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

**Tổng Giám đốc điều hành**

Do HĐQT bổ nhiệm, bãi nhiệm, là người đại diện theo pháp luật của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT, quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty. Giúp việc cho Tổng Giám đốc điều hành là Phó Tổng Giám đốc kỹ thuật và Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh.

**Phó Tổng Giám đốc**

Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc điều hành Công ty theo phân công và uỷ quyền của Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nhiệm vụ được phân công và giao quyền. Công ty hiện có 2 Phó Tổng Giám đốc, một phụ trách kỹ thuật và một phụ trách kinh doanh.

**Các phòng ban chức năng:**

**Văn phòng:** là một đơn vị nghiệp vụ - phục vụ tổng hợp trong Công ty. Có chức năng tham mưu cho Giám đốc và tổ chức thực hiện các công việc trong các lĩnh vực hoạt động quản lý về công tác hành chính, văn thư - lưu trữ, đối ngoại, quản trị, quản lý xe hành chính, tuyên truyền... và các công tác phục vụ tổng hợp khác như: Công tác y tế, nấu ăn giữa ca, chăm sóc vườn hoa cây cảnh, quản lý nhà làm việc hành chính, nhà khách và các công trình phúc lợi công cộng... của Công ty

**Phòng Tài chính Kế toán:** là phòng nghiệp vụ có chức năng giúp Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo, quản lý điều hành công tác kinh tế tài chính và hạch toán kế toán; xúc tiến và quản lý công tác đầu tư tài chính; chi trả tiền lương, tiền thưởng và các khoản thu nhập hoặc chi trả theo chế độ, chính sách đối với người lao động.

**Phòng Kỹ thuật:** là một đơn vị có chức năng tham mưu giúp việc Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo, quản lý điều hành công tác kỹ thuật công nghệ, sản xuất điện năng, an toàn, bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ, phòng chống lụt bão, phòng chống tai nạn. Tham mưu giúp Tổng Giám đốc quản lý việc thực hiện công tác đào tạo trong Công ty.

**Phòng Tổ chức Lao động:** là phòng nghiệp vụ có nhiệm vụ tham mưu giúp việc cho Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo, quản lý trong lĩnh vực được giao: Tổ chức quản lý bộ máy điều hành, tổ chức cán bộ, lao động tiền lương, tiền thưởng, chế độ chính sách, BHXH, BHYT, Bảo hộ lao động; Thi đua khen thưởng - kỷ luật; công tác Bảo vệ - Pháp chế, phòng chống cháy nổ ở Công ty.

**Phòng Kế hoạch:** là phòng nghiệp vụ, có chức năng giúp Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo, quản lý điều hành công tác kế hoạch, thống kê về hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư xây dựng của Công ty; xúc tiến đầu tư và theo dõi các dự án đầu tư xây dựng; công tác đấu thầu.

**Phòng Vật tư:** là phòng nghiệp vụ, có chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc trong công tác cung ứng, quản lý và sử dụng vật tư, thiết bị cho sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng các công trình của Công ty.

**Phòng kinh doanh:** là phòng nghiệp vụ, có chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo, quản lý điều hành công tác kinh doanh điện năng và dịch vụ khách hàng; Nghiên cứu, tiếp thị mở rộng thị trường và phát triển đa dạng các mặt hàng kinh doanh, dịch vụ của Công ty; Xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và các phương án, đề án để quản lý hoặc thực hiện phương hướng, nhiệm vụ kinh doanh; Nghiên cứu xây dựng các quy định, quy chế quản lý nghiệp vụ kinh doanh của Công ty để thực hiện công tác kinh doanh đúng quy định.

**Phòng Thí nghiệm Điện - Hoá:** là phòng nghiệp vụ, có chức năng giúp Tổng Giám đốc quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động đo thử nghiệm các sản phẩm thiết bị điện, hoá phục vụ yêu cầu của khách hàng và nhu cầu SXKD của Công ty; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và Pháp luật về những việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

**Khối phân xưởng:** là các đơn vị sản xuất thực hiện nhiệm vụ quản lý vận hành toàn bộ các thiết bị trong dây chuyền công nghệ sản xuất điện cũng như các thiết bị phục vụ phụ trợ có liên quan, gồm 04 phân xưởng:

**Phân xưởng Vận hành:** là các đơn vị chủ quản thiết bị, quản lý và vận hành toàn bộ các thiết bị trong dây chuyền công nghệ của nhà máy; lập kế hoạch vận hành, sửa chữa, thí nghiệm và hiệu chỉnh các thiết bị trong phạm vi đơn vị quản lý.

**Phân xưởng Sửa chữa Cơ nhiệt:** duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các tổ máy của Công ty phần cơ khí, nhiệt, hơi; thi công các công trình liên quan về cơ, nhiệt, hơi.

**Phân xưởng Sửa chữa Điện tự động:** duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các tổ máy của Công ty phần điện và điều khiển tự động; thi công các công trình liên quan đến phần điện và điều khiển tự động.

**Phân xưởng Hoá:** quản lý hệ thống xử lý nước, các thiết bị hóa nghiệm của Công ty, vận hành dây chuyền sản xuất nước uống đóng chai.

#### **4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ**

##### **4.1. Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ đến thời điểm**



31/7/09

**Bảng 1:** Danh sách cổ đông sáng lập

TT	Tên cổ đông	Số CMND/ ĐKKD	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân / địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (triệu đồng)	Tỷ lệ góp vốn (%)
1.	Tập đoàn Điện lực Việt Nam Đại diện: <i>Phạm Hữu Hạnh</i>	0106000804	18 Trần Nguyên Hãn, quận Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội	48.121.557	481.215,57	79,5
	<i>Huỳnh Lin</i>	273250472	Cư xá Công ty Nhiệt điện Bà Rịa, thị xã Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	23.921.557	239.215,57	39,5
	<i>Vũ Mạnh Hùng</i>	273234995	Khu phố 4, phường Phước Nguyên, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	12.100.000	121.000,00	20
		012127584	Số 15, tổ 22, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Tp.Hà Nội	12.100.000	121.000,00	20
<b>Tổng cộng</b>				<b>48.121.557</b>	<b>481.215,57</b>	<b>79,5</b>

Nguồn: BTP

Ghi chú:

*Tại Khoản 5 Điều 84 Luật Doanh nghiệp (có hiệu lực từ 01/07/2006) quy định, trong thời hạn ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty.*

*Sau thời hạn ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.*

*Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa chính thức chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần vào ngày 01 tháng 11 năm 2007 do vậy điều kiện chuyển nhượng áp dụng với cổ đông sáng lập có hiệu lực đến hết ngày 01 tháng 11 năm 2010.*

**4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ đông trở lên và tỷ lệ cổ phần nắm giữ đến 31/07/2009**

**Bảng 2:** Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ đông trở lên

TT	Tên cổ đông	Số CMND/ ĐKKD	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân / địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (triệu đồng)	Tỷ lệ góp vốn (%)
1.	Tập đoàn Điện lực Việt Nam Đại diện: <i>Phạm Hữu Hạnh</i>	0106000804	18 Trần Nguyên Hãn, quận Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội	48.121.557	481.215,57	79,5
	<i>Huỳnh Lin</i>	273250472	Cư xá Công ty Nhiệt điện Bà Rịa, thị xã Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	23.921.557	239.215,57	39,5
	<i>Vũ Mạnh Hùng</i>	273234995	Khu phố 4, phường Phước Nguyên, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	12.100.000	121.000,00	20
		012127584	Số 15, tổ 22, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Tp.Hà Nội	12.100.000	121.000,00	20
<b>Tổng cộng</b>				<b>48.121.557</b>	<b>481.215,57</b>	<b>79,5</b>

Nguồn: BTP

#### 4.3. Cơ cấu vốn cổ đông tại thời điểm 31/07/2009

**Bảng 3:** Cơ cấu vốn cổ đông tại thời điểm 31/07/2009

TT	Danh mục	Giá trị (1.000đồng)	%	Số lượng cổ đồng	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông nhà nước <sup>(1)</sup>	481.215.570	79,56	1	1	-
2	Cổ đông bên trong	10.785.990	1,783	83	-	83
	- Hội đồng Quản trị	6.806.000	1,125	3		3
	- Ban Giám đốc	42.000	0,007	2		2
	- Ban kiểm soát	3.040.000	0,503	1		1
	- Kế toán trưởng	21.000	0,003			
	- Cổ đông sáng lập					
	- Cán bộ công nhân viên	876.990	0,145	77		77
	- Cổ phiếu quỹ					
3	Cổ đông bên ngoài	112.854.440	18,658	1.830	24	1.806
	- Trong nước	65.823.630	10,88		18	1.804
	- Nước ngoài	47.030.810	7,776		6	2
	<b>Tổng cộng</b>	<b>604.856.000</b>	<b>100,00</b>	<b>1.914</b>	<b>25</b>	<b>1.889</b>

Nguồn: BTP

<sup>(1)</sup> : Do Tổng Công ty Điện lực Việt Nam làm đại diện chủ sở hữu

#### 5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những Công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

Tập đoàn Điện lực Việt Nam nắm giữ cổ phần chi phối của Công ty là 79,56% tương đương 48.121.557 cổ phần. Hiện tại, Công ty không có các đơn vị thành viên.

## 6. Hoạt động kinh doanh

### 6.1. Sản lượng điện sản xuất qua các năm

**Bảng 4:** Sản lượng điện từ năm 1995 đến 9 tháng đầu năm 2009

Năm	Sản lượng điện (MWh)			
	Dầu	Khí	Đuôi hơi	Tổng
1995	126.746,2	746.523,8	0.0	873.270
1996	57.037	1.096.160	0.0	1.153.197
1997	277.302	1.072.964	0.0	1.350.266
1998	179.915	1.456.418	0.0	1.636.333
1999	70.552	1.255.928,7	132.772	1.459.252,7
2000	188.924	1.250.447	300.012	1.739.383
2001	150.746,9	1.094.770,9	400.145,5	1.645.663,3
2002	69.508,9	1.396.192,2	795.681,5	2.261.382,6
2003	28.180,6	1.346.884,8	762.928,2	2.137.993,6
2004	18.028,2	1.380.286,3	763.977,1	2.162.291,6
2005	40.914,8	1.386.591,6	776.987,6	2.204.494
2006	13.958,2	1.308.583,2	701.766,8	2.204.308
01/01/2007- 31/10/2007	79.106,1	1.018.463,8	565.972,9	1.663.542,8
01/11/2007- 31/12/2007	1.721,8	225.554	91.983,4	319.259,2
2008	34.459,5	1.331.905,4	707.814,7	2.074.179,6
9 tháng đầu năm 2009	8.822,6	1.078.732,3	541.803	1.629.357,9

Nguồn: BTP

Từ năm 01/04/1995 đến 30/06/2005, Công ty là đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc EVN nên không có số liệu về doanh thu từ điện năng sản xuất ra. Từ 01/07/2005 đến 01/11/2007 Công ty là đơn vị hạch toán độc lập thuộc EVN. Từ 01/11/2007, Công ty chuyển hoạt động sang hình thức Công ty cổ phần.

Sản lượng điện năng sản xuất ra sau khi trừ đi sản lượng điện tự dùng (khoảng 3.23%) sẽ được đầu nối trực tiếp vào hệ thống lưới điện quốc gia. Giá trị sản lượng điện sản xuất ra năm 2008 là 1.284 tỷ đồng chiếm 85% doanh thu của Công ty và 9 tháng đầu năm 2009 là 1.019 tỷ chiếm 99,6% doanh thu của Công ty. Sản lượng điện sản xuất năm 2008 tăng 4,6% so với năm 2007.

Nguồn: BTP



**Hình 2:** Sản lượng điện thực hiện hàng năm

## 6.2. Sản phẩm dịch vụ chính

- Sản xuất kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo các công trình nhiệt điện, công trình kiến trúc của nhà máy điện;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện.

**Bảng 5:** Cơ cấu doanh thu từ năm 2007 đến Quý 3/2009

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	01/01/2007 31/10/2007	01/11/2007 31/12/2007	Năm 2008	9 tháng đầu năm 2009



Doanh thu bán điện	996.535,10	175.373,29	1.284.265,31	1.019.689,87
<i>Tỷ trọng</i>	<i>99,63%</i>	<i>84,35%</i>	<i>85,42%</i>	<i>99,6%</i>
Doanh thu khác, hoạt động tài chính	3.697,76	32.529,32	219.232,67	4.168,28
<i>Tỷ trọng</i>	<i>0,37%</i>	<i>15,65%</i>	<i>14,58%</i>	<i>0,4%</i>
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.000.232,86	207.902,61	1.503.497,98	1.023.858,15

Nguồn: BTP

- Kết quả kinh doanh năm 2007 của Công ty được chia thành 2 giai đoạn, giai đoạn hoạt động theo hình thức Doanh nghiệp nhà nước từ 1/1/2007 đến 31/10/2007 và giai đoạn chuyển sang Công ty cổ phần từ 1/11/2007.
- Sau khi chuyển sang cổ phần, Hội đồng quản trị tích cực tìm kiếm cơ hội đầu tư đồng thời chỉ đạo cho Ban giám đốc tích cực duy trì ổn định sản xuất điện, đồng thời tăng cường đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh khác theo chức năng ngành nghề kinh doanh đã đăng ký. Nỗ lực này bước đầu đã đem lại nhiều tín hiệu tích cực: Thực hiện thành công công trình bảo dưỡng cho nhà máy đập Phú Mỹ, hoàn thành tốt hợp đồng hỗ trợ kỹ thuật cho nhà máy đập Phú Mỹ, thực hiện tốt công tác kiểm định Rơ le, máy cắt, máy biến áp cho nhà máy lọc dầu Dung Quốc, nhà máy giấy Bình Dương, dịch vụ kỹ thuật thí nghiệm thiết bị điện ở Giàn khoan. Doanh thu của Nhiệt điện Bà Rịa năm 2008 tăng khoảng 24,5% so với năm 2007. Trong đó, doanh thu bán điện chiếm 85,4% tổng doanh thu.

**Bảng 6:** Cơ cấu lợi nhuận từ năm 2007 đến 9 tháng đầu năm 2009

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	01/01/2007 31/10/2007	01/11/2007 31/12/2007	Năm 2008	9 tháng đầu năm 2009
Lợi nhuận từ Doanh thu bán điện	52.472,55	19.159,75	101.227,15	82.424,08
Lợi nhuận từ Doanh thu khác, hoạt động tài chính	5.982,03	23.591,83	143.314,17	(58.157,32)
Tổng lợi nhuận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	(7.347,8)	42.751,58	244.541,32	24.266,76
Trong đó: Lợi nhuận chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ			185.854,60	
Lợi nhuận trước thuế chịu thuế TNDN	(7.347,8)		58.686,72	





Thuế TNDN phải nộp	2.700,54	3.416,01	16.640,32	8.394,18
Thuế TNDN hoãn lại	(4.757,92)	8.554,42	48.242,78	
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(5.290,41)	30.781,14	179.658,21	15.872,57

Nguồn: BTP

### **6.3. Nguyên vật liệu**

Hiện tại Công ty vận hành chủ yếu bằng nguồn nhiên liệu là khí đồng hành (khai thác cùng quá trình khai thác dầu) và nhiên liệu dự phòng là dầu DO. Nếu lượng khí Cừu Long suy giảm (ưu tiên hàng đầu là cung cấp cho Nhà máy Điện đạm Phú Mỹ), Công ty phải sử dụng dầu DO với chi phí rất cao. Trong trường hợp không còn khí Cừu Long, Công ty mới sử dụng được khí Nam Côn Sơn theo phụ lục 6- Quy trình cấp bù khí giữa hai nguồn Nam Côn Sơn và Cừu Long của hợp đồng mua bán khí Cừu Long giữa Công ty TNHH một thành viên chế biến và kinh doanh các sản phẩm khí với Công ty Nhiệt Điện Bà Rịa năm 2006 -2010

### **6.4. Chi phí sản xuất**

Chi phí nhiên liệu (khí đồng hành, dầu DO): từ 65% đến 75% tùy theo loại nhiên liệu sử dụng; khấu hao tài sản cố định: khoảng 11% và chi phí sửa chữa lớn TSCĐ từ 6% đến 15% tùy theo chu kỳ sửa chữa lớn. Đó là các yếu tố cấu thành chủ yếu của tổng chi phí sản xuất của Công ty (khoảng trên 92% tổng chi phí). Các chi phí khác như chi phí lãi vay, chi phí bảo dưỡng thường xuyên và vận hành, vật liệu phụ, lương công nhân, các dịch vụ mua ngoài, bảo hiểm ... chiếm tỷ lệ không đáng kể trong tổng chi phí (8%).

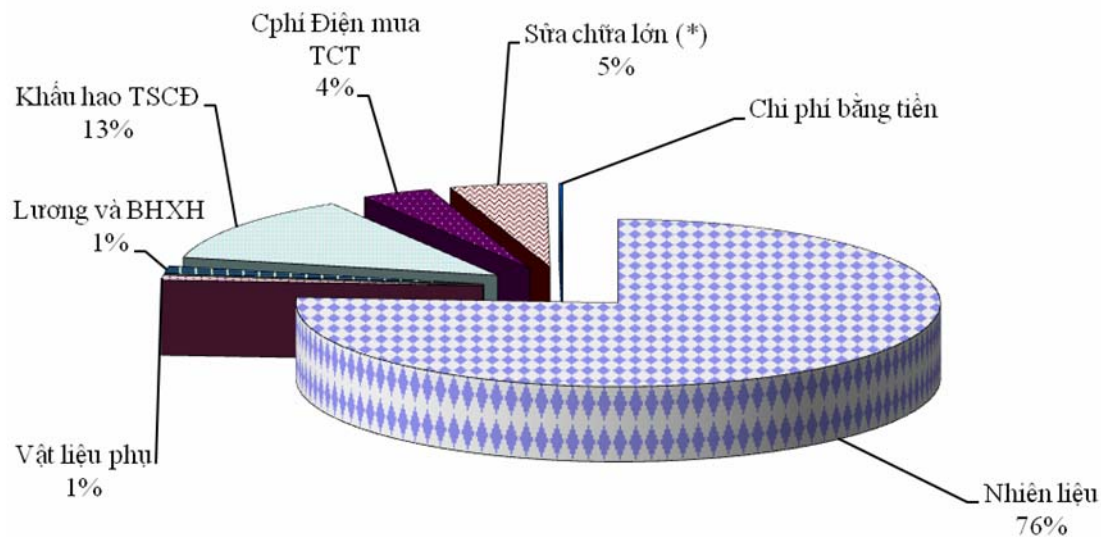
Chi phí sản xuất qua các năm như sau:

**Bảng 7:** Chi phí sản xuất từ năm 2007 đến 9 tháng đầu năm 2009

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	01/01/2007 31/10/2007	01/11/2007 31/12/2007	2008	9 tháng đầu năm 2009
Nhiên liệu	702.578,46	127.409,18	849.919,08	697.465,9
Vật liệu phụ	10.482,7	757,47	8.962,37	10.587,78
Lương và BHXH	12.525,72	2.551,03	18.781,16	11.410,39
Khấu hao TSCĐ	93.903,62	26.913,44	162.095,43	122.092,19
Chi phí Điện mua TCT	17.318,95	-	41.142,39	29.685,24
Sửa chữa lớn (*)	37.010,53	(5.142,29)	72.815,48	48.579,92
Chi phí bằng tiền	1.389,19	338,84	2.435,47	1.792,55
<b>Tổng chi phí</b>	<b>875.209,2</b>	<b>152.827,68</b>	<b>1.156.151,41</b>	<b>921.614</b>

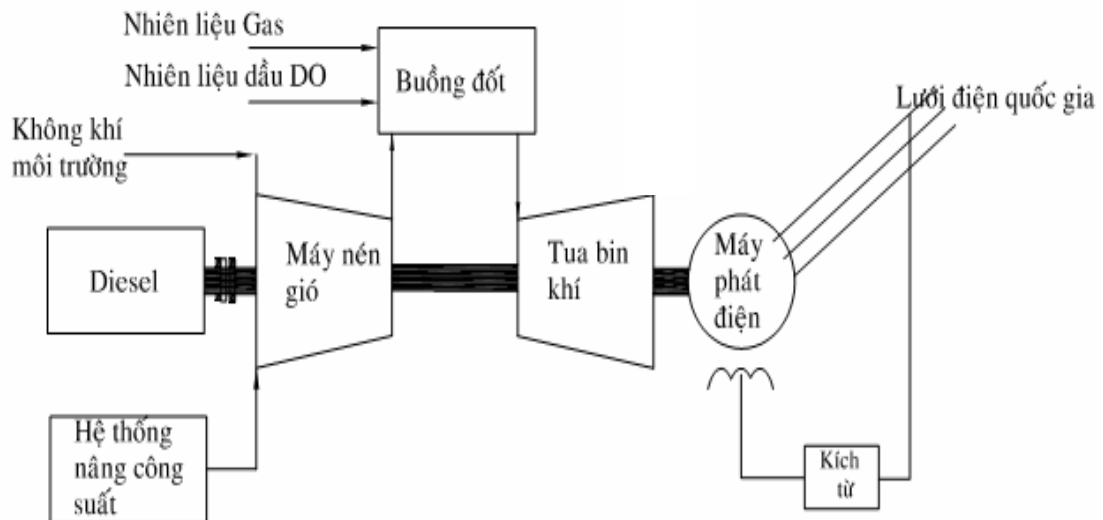
Nguồn: BTP



**Hình 3:** Cơ cấu chi phí sản xuất trung bình của Công ty 2007 – 9 tháng đầu năm 2009

## 6.5. Trình độ công nghệ

Công nghệ sản xuất điện năng tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa



### 1. Chu trình đơn:

Chu trình đơn là chu trình mà năng lượng sinh ra trong buồng đốt sau khi sinh công trong tua bin sẽ được thải ra ngoài môi trường.

#### a. Nguyên lý:

- Quá trình phát điện được thực hiện theo nguyên lý biến đổi từ hóa năng thành nhiệt năng do quá trình đốt cháy nhiên liệu trong buồng đốt tua bin khí, sau đó lượng nhiệt này sẽ được cung cấp vào tua bin để chuyển thành động năng làm quay tua bin, lượng nhiệt này sau khi sinh công xong sẽ được thải ra ngoài môi trường.
- Tua bin quay kéo theo máy phát điện và cung cấp một năng lượng sơ cấp cho máy phát, khi máy phát điện được kích từ và được cung cấp tới tải tiêu thụ thì sẽ phát ra điện năng.

#### b. Các thiết bị chính trong chu trình:

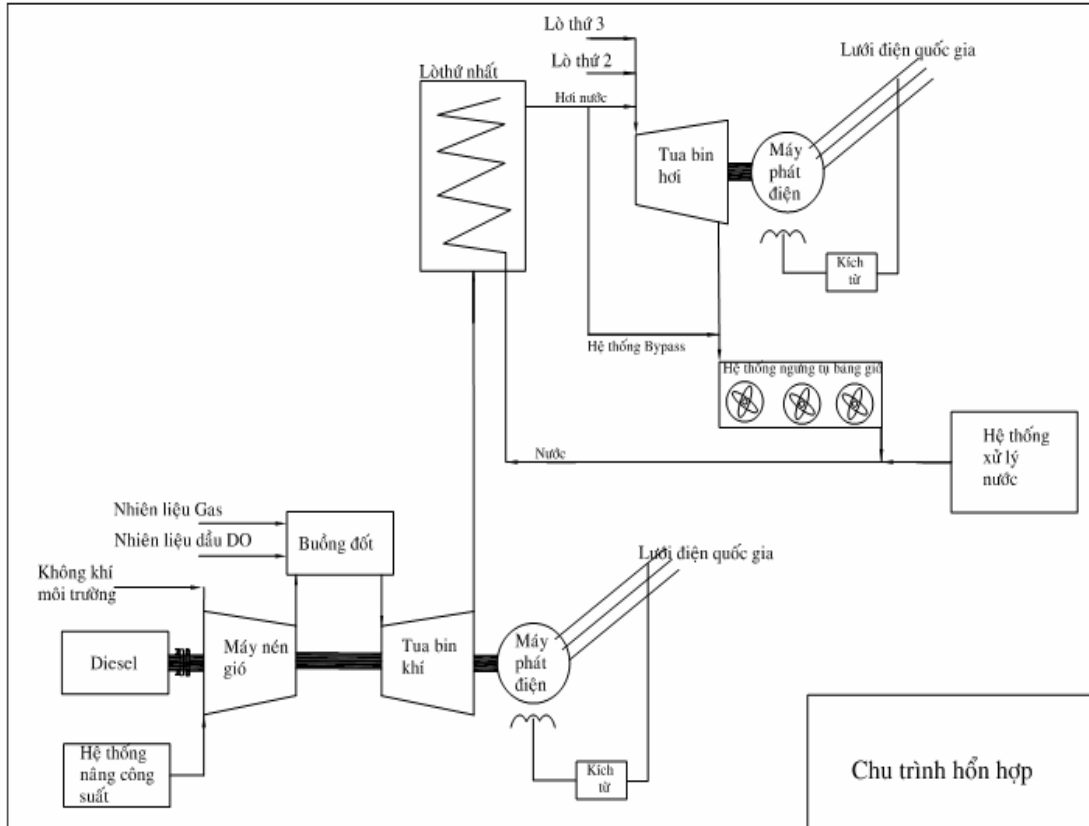
- Diesel: là loại động cơ máy nổ sử dụng nhiên liệu dầu DO dùng để kéo tua bin khí trong quá trình khởi động tổ máy.
- Máy nén gió: được kéo cùng trục với tua bin khí, hút không khí từ môi trường nén lên với áp suất 10.8 Bar - nhiệt độ 350 độ C với lưu lượng 493 tấn/giờ để cấp lượng không khí cần thiết cho sự cháy trong buồng đốt, đồng thời làm mát một số bộ phận trong tua bin.
- Buồng đốt: sử dụng nhiên liệu hoặc gas hoặc dầu hoặc cả 2, kết hợp với không khí từ máy nén gió để đốt cháy nhiên liệu tạo ra năng lượng cấp vào tua bin.

- Tua bin: nhận năng lượng từ buồng đốt để làm quay tua bin để kéo máy nén gió và kéo máy phát điện.
- Máy phát điện: được kéo bởi tua bin khí và nhận năng lượng cơ từ tua bin để phát điện hoà vào lưới điện quốc gia.
- Hệ thống nâng công suất: lấy nước đã xử lý từ hệ thống nước của tua bin hơi sau đó dùng bơm cao áp nén lên với áp suất cao để sương hóa và phun vào đầu hút máy nén gió khi điều kiện nhiệt độ môi trường cao làm cho hiệu suất của máy nén gió tăng lên và từ đó làm cho công suất phát của tua bin khí được nâng thêm.

Ngoài ra còn có các hệ thống điều khiển, các hệ thống phụ trợ, hệ thống điện phụ dịch để đảm bảo cho tổ máy hoạt động.

c. Tiến trình hoạt động:

- Bắt đầu khởi động: diesel kéo tua bin đến tốc độ tua bin đến tốc độ 1000 vòng/phút.
- Máy phát được kích từ, nhiên liệu bắt đầu được cấp vào buồng đốt và kết hợp với không khí từ máy nén gió tạo nên quá trình đốt cháy nhiên liệu thông qua hệ thống đánh lửa bằng bugi, tạo thành năng lượng nhiệt cấp vào cánh tua bin.
- Diesel tăng tốc đến tốc độ tối đa và kéo tua bin đến tốc độ đạt 3300-3400 vòng/phút, tại tốc độ này năng lượng sinh ra trong buồng đốt đã đủ cho tua bin tự quay và khi đó diesel tách ra dừng dự phòng chuẩn bị cho lần khởi động sau.
- Tiếp tục tăng nhiên liệu vào buồng đốt để tăng tốc độ tua bin đến định mức 5100 vòng/phút, và tại máy phát là 3000 vòng/phút.
- Điều chỉnh kích từ cho máy phát điện để đạt đến điện thế theo yêu cầu và hoà máy phát điện vào lưới điện quốc gia.
- Tăng công suất máy phát theo yêu cầu thông qua việc tăng nhiên liệu vào buồng đốt tua bin. Lúc này tốc độ tua bin vẫn là 5100 vòng/phút nhờ bộ điều tốc của tua bin.



**2. Chu trình hỗn hợp:**

Chu trình hỗn hợp là chu trình tận dụng nguồn năng lượng thải bỏ từ chu trình đơn để gia nhiệt nước trong lò hơi cho tua bin hơi nước hoạt động và kéo thêm máy phát điện.

**a. Nguyên lý:**

- Nước sạch từ trạng thái lỏng được cung cấp nhiệt để hóa hơi hoàn toàn thành hơi siêu nhiệt.
- Hơi siêu nhiệt cấp năng lượng vào làm quay tua bin hơi.
- Tua bin quay kéo theo máy phát điện và cung cấp một năng lượng sơ cấp cho máy phát, khi máy phát điện được kích từ và được cung cấp tới tải tiêu thụ thì sẽ phát ra điện năng.

**b. Các thiết bị chính trong chu trình:**

- Hệ thống xử lý nước: lấy nước từ hệ thống nước thủy cục của Công ty cấp nước Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu sau đó qua hệ thống xử lý lọc, khử các khoáng chất trong nước sản xuất ra nước đạt yêu cầu cung cấp nước cho lò hơi khi mới khởi động hoặc bổ sung thêm trong quá trình vận hành bình thường.

- Lò thu hồi nhiệt: tận dụng nguồn khí thải từ chu trình đơn để gia nhiệt nước cấp tạo thành hơi siêu nhiệt cấp năng lượng cho tua bin hơi.
- Tua bin hơi: nhận năng lượng hơi siêu nhiệt từ lò hơi làm quay tua bin và kéo máy phát điện.
- Hệ thống ngưng tụ bằng gió: Dùng để ngưng tụ hơi sau khi sinh công trong tua bin xong trở về trạng thái nước lỏng và tiếp tục cấp vào lò hơi theo một chu trình kín.
- Hệ thống bypass: đưa lưu lượng hơi được sinh ra từ lò hơi về hệ thống ngưng tụ trong quá trình khởi động chu trình hoặc khi có sự cố.
- Máy phát điện: được kéo bởi tua bin hơi và nhận năng lượng cơ từ tua bin để phát điện hòa vào lưới điện quốc gia.

Ngoài ra còn có các hệ thống điều khiển, các hệ thống phụ trợ, hệ thống điện phụ dịch để đảm bảo cho tổ máy hoạt động.

c. Tiến trình hoạt động:

- Khởi động chu trình đơn và thay đổi tải cho phù hợp với tiến trình khởi động lò.
- Khởi động lò hơi tương ứng với tổ máy chu trình đơn đang hoạt động. Chờ đến khi thông số hơi đạt yêu cầu cấp vào tua bin.
- Khởi động tua bin hơi với 1 lò đầu tiên.
- Tốc độ tua bin đạt 2950 vòng/phút.
- Máy phát điện được kích từ.
- Tốc độ tua bin tăng đến định mức 3000 vòng/phút.
- Hòa điện máy phát điện vào lưới điện quốc gia.
- Tăng công suất máy phát theo đặt tuyến bằng cách tăng lưu lượng hơi vào tua bin. Lúc này tua bin vẫn giữ tốc độ 3000 vòng/phút nhờ bộ điều tốc của tua bin.
- Khởi động lò thứ 2. Chờ thông số đạt yêu cầu.
- Hòa hơi lò thứ 2, tăng công suất máy phát theo đặc tuyến và tương ứng với lưu lượng hơi thực tế của 2 lò.
- Khởi động lò thứ 3. chờ thông số đạt yêu cầu.

Hòa hơi lò thứ 3, tăng công suất máy phát theo đặc tuyến và tương ứng với lưu lượng hơi 3 lò.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa có 10 tổ máy (8 tổ máy turbine khí và 2 tổ máy turbine hơi) với tổng công suất thiết kế là 388,9 MW, trong đó:

❖ **Tổ máy GT1 (tua bin khí) được đưa vào vận hành tháng 08/1992**

- |   |               |
|---|---------------|
| - Công suất thiết kế:                   | 23,4 MW       |
| - Công suất khả dụng:                   | 19 MW         |
| - Suất tiêu hao nhiệt, base load (khí): | 15.526 KJ/kWh |

- Suất tiêu hao nhiệt, base load (dầu): 16.319 Kj/kWh
- Hiệu suất trung bình, base load (khí): 21,98%
- Hiệu suất trung bình, base load (dầu): 22,06%
- Nước sản xuất: Anh
- Đại tu lần cuối: năm 2003
- ❖ **Tổ máy GT2 (tua bin khí) được đưa vào vận hành tháng 8/1992**
  - Công suất thiết kế: 23,4 MW
  - Công suất khả dụng: 19 MW
  - Suất tiêu hao nhiệt, base load (khí): 15.657 Kj/kWh
  - Suất tiêu hao nhiệt, base load (dầu): 16.492 Kj/kWh
  - Hiệu suất trung bình, base load (khí): 21,79%
  - Hiệu suất trung bình, base load (dầu): 21,83%
  - Nước sản xuất: Anh
  - Đại tu lần cuối: năm 2003
- ❖ **Tổ máy GT3 (tua bin khí) được đưa vào vận hành tháng 01/1993**
  - Công suất thiết kế: 37,5 MW
  - Công suất khả dụng: 32 MW
  - Suất tiêu hao nhiệt, base load (khí): 12.888 Kj/kWh
  - Suất tiêu hao nhiệt, base load (dầu): 12.901 Kj/kWh
  - Hiệu suất trung bình, base load (khí): 28,52%
  - Hiệu suất trung bình, base load (dầu): 27,67%
  - Nước sản xuất: Anh
  - Đại tu lần cuối: năm 2004
- ❖ **Tổ máy GT4 (tua bin khí) được đưa vào vận hành tháng 01/1993**
  - Công suất thiết kế: 37,5 MW
  - Công suất khả dụng: 32 MW
  - Suất tiêu hao nhiệt, base load (khí): 12.369 Kj/kWh
  - Suất tiêu hao nhiệt, base load (dầu): 12.444 Kj/kWh
  - Hiệu suất trung bình, base load (khí): 30,42%
  - Hiệu suất trung bình, base load (dầu): 30,42%
  - Nước sản xuất: Anh

- Đại tu lần cuối: năm 2004
- ❖ **Tổ máy GT5 (tua bin khí) được đưa vào vận hành tháng 01/1994**
  - Công suất thiết kế: 37,5 MW
  - Công suất khả dụng: 32 MW
  - Suất tiêu hao nhiệt, base load (khí): 11.912 Kj/kWh
  - Suất tiêu hao nhiệt, base load (dầu): 12.495 Kj/kWh
  - Hiệu suất trung bình, base load (khí): 31,4%
  - Hiệu suất trung bình, base load (dầu): 29,9%
  - Nước sản xuất: Pháp
  - Đại tu lần cuối: năm 2004
- ❖ **Tổ máy GT6 (tua bin khí) được đưa vào vận hành tháng 01/1994**
  - Công suất thiết kế: 37,5 MW
  - Công suất khả dụng: 32 MW
  - Suất tiêu hao nhiệt, base load (khí): 12.434 Kj/kWh
  - Suất tiêu hao nhiệt, base load (dầu): 12.620,7 Kj/kWh
  - Hiệu suất trung bình, base load (khí): 30,14%
  - Hiệu suất trung bình, base load (dầu): 29,62%
  - Nước sản xuất: Pháp
  - Đại tu lần cuối: năm 2004
- ❖ **Tổ máy GT7 (tua bin khí) được đưa vào vận hành tháng 01/1994**
  - Công suất thiết kế: 37,5 MW
  - Công suất khả dụng: 32 MW
  - Suất tiêu hao nhiệt, base load (khí): 12.570 Kj/kWh
  - Suất tiêu hao nhiệt, base load (dầu): 12.780 Kj/kWh
  - Hiệu suất trung bình, base load (khí): 29,82%
  - Hiệu suất trung bình, base load (dầu): 29,3%
  - Nước sản xuất: Pháp
  - Đại tu lần cuối: năm 2006
- ❖ **Tổ máy GT8 (tua bin khí) được đưa vào vận hành tháng 05/1996**
  - Công suất thiết kế: 37,5 MW
  - Công suất khả dụng: 32 MW



- Suất tiêu hao nhiệt, base load (khí): 12.463 KJ/kWh
- Suất tiêu hao nhiệt, base load (dầu): 12.878 KJ/kWh
- Hiệu suất trung bình, base load (khí): 30,25%
- Hiệu suất trung bình, base load (dầu): 29,4%
- Nước sản xuất: Pháp
- Đại tu lần cuối: năm 2002
- ❖ **Tổ máy ST9 (đuôi hơi) được đưa vào vận hành tháng 03/1999**
  - Công suất thiết kế: 58 MW
  - Công suất khả dụng: 54 MW
  - Nước sản xuất: Đức
- ❖ **Tổ máy ST10 (đuôi hơi) được đưa vào vận hành tháng 02/2002**
  - Công suất thiết kế: 59,1 MW
  - Công suất khả dụng: 56 MW
  - Nước sản xuất: Nhật

Tất cả 08 tổ máy phát điện tua bin khí trên đều có thể vận hành được nhiên liệu Gas, dầu DO hoặc đồng thời cả hai nhiên liệu này.

02 Tổ máy tua bin hơi được vận hành kết hợp với các tổ máy tua bin khí tạo thành 02 cụm chu trình hỗn hợp, trong đó GT3,4,8 cho cụm đuôi hơi 306-2 và GT5,6,7 cho cụm đuôi hơi 306-1; 02 cụm đuôi hơi này dùng nước thủy cục thông qua dây chuyền xử lý nước để loại các khoáng chất sau đó cấp nước vào lò hơi; Tại lò hơi nước được hóa thành hơi nhờ lượng khí nóng thu hồi từ khí thải của tua bin khí (mỗi tua bin khí cho một lò) và cấp hơi vào làm quay tua bin hơi.

## **6.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới**

Lĩnh vực sản xuất chính của Công ty hiện nay cũng như một số năm tiếp theo vẫn là sản xuất điện và sản phẩm là điện năng.

Tuy nhiên với lợi thế là với lực lượng lao động có trình độ tay nghề cao nên Công ty đang tích cực phát triển các dịch vụ kỹ thuật cao như: sửa chữa, bảo dưỡng (Trung đại tu các tổ máy phát điện, máy biến áp .... và các thiết bị điện tự động, thiết bị cơ khí) và bước đầu thực hiện trong năm 2008 đã đem lại cho Công ty doanh thu là: 3.709.368.454 đồng.

Bên cạnh đó công ty cũng thực hiện vào việc đầu tư chiến lược vào các doanh nghiệp trong cùng ngành để tối ưu hóa nguồn vốn, nâng cao tỷ suất lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro.

## **6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ**

Do sản xuất điện mang tính đặc thù riêng biệt so với sản xuất các sản phẩm khác là quá trình sản xuất diễn ra đồng thời với quá trình tiêu thụ, điện không có sản phẩm tồn kho, dở dang và phế phẩm

nên Công ty chỉ thực hiện việc giám sát kỹ thuật sản xuất nhằm ổn định công suất và tần số phát mà không phải kiểm tra chất lượng điện năng sau khi sản xuất.

Hiện tại Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 nhằm chuẩn hóa quá trình vận hành và tổ chức sản xuất của Công ty và đã thực hiện chuyển đổi sang hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 từ ngày 21/07/2009 và hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025: 2005. Đối với tiêu chuẩn ISO/IEC 17025: 2005, Công ty hiện đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ, dự kiến trong tháng 8/2009 sẽ được cấp chứng nhận.

### **6.8. Hoạt động Marketing**

Thị trường phát điện đang thực hiện thí điểm cạnh tranh giữa các nhà máy điện dưới hình thức phát điện cạnh tranh về giá, tuy nhiên hiện nay các hoạt động trên đang trong quá trình thí điểm. Mặt khác điện đang mất cân đối cung cầu nên việc tổ chức thị trường bán điện hiện nay chủ yếu theo điều tiết của EVN và chưa thực sự có sự cạnh tranh trên thị trường.

Đối với lĩnh vực dịch vụ bảo dưỡng Công ty hiện đang áp dụng hình thức quảng cáo trực tiếp: tổ chức các buổi giới thiệu và gửi các bản giới thiệu về kinh nghiệm cũng như khả năng của Công ty cho khách hàng.

### **6.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền**

Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ 01/11/2007, đến nay Công ty chưa đăng ký nhãn hiệu thương mại hay đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.

### **6.10. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết**

Những hợp đồng lớn:

#### **❖ Hợp đồng mua bán điện**

- Số 01-2006/BRPC-EVN ngày 27/12/2006
- Được ký kết giữa Tập đoàn Điện lực Việt (EVN) và Công ty Nhiệt điện Bà Rịa
- Thời hạn hợp đồng 4 năm (từ 2007 đến 2010)
- Giá điện: Từ thời điểm Công ty Nhiệt điện Bà Rịa chuyển đổi thành Công ty Cổ phần, giá mua điện từ Công ty được xác định theo phương án giá điện của các Công ty phát điện cổ phần hóa được cấp có thẩm quyền phê duyệt

#### **❖ Hợp đồng mua bán khí**

- Số 1011/2006/PVGAS/TM-BTP/B1 ngày 26/12/2006
- Được ký kết giữa Công ty TNHH một thành viên Chế biến và Kinh doanh các sản phẩm khí (PVGAS) và Công ty Nhiệt điện Bà Rịa (BTP)
- Thời hạn hợp đồng 4 năm (từ 2007 đến 2010)
- Giá khí:  
Từ ngày 26/12/2006 đến ngày 31/5/2009: 2,2 USD/tr BTU

Từ ngày 01/6/2009 đến ngày 31/3/2010: 2,98 USD/tr BTU

Từ ngày 1/4/2010: 3,55 USD/tr BTU

❖ **Hợp đồng nguyên tắc cung cấp dầu D.O chất lượng cao năm 2008**

- Số 05 /NĐBR-VT/2008 ngày 18/01/2008

Được ký kết giữa Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa và Xí Nghiệp xăng dầu khí Vũng Tàu (PDC)

Thời hạn hợp đồng: từ 01/01/2008 đến hết ngày 31/12/2008

- Số 06 /NĐBR-VT/2008 ngày 18/01/2008

Được ký kết giữa Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa và Công ty Xăng dầu Bà Rịa Vũng Tàu

Thời hạn hợp đồng: từ 01/01/2008 đến hết ngày 31/12/2008

- Số 07 /NĐBR-VT/2008 ngày 18/01/2008

Được ký kết giữa Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa và Tổng Công ty Thương mại Dầu khí (PETECHIM)

Thời hạn hợp đồng: từ 01/01/2008 đến hết ngày 31/12/2008

- Đơn giá: theo bảng chào giá cạnh tranh hàng tháng

❖ **Hợp đồng nguyên tắc cung cấp dầu D.O chất lượng cao năm 2009**

- Số 06 /NĐBR-VT/2009 ngày 31/12/2008

- Được ký kết giữa Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa và Xí nghiệp Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn

- Thời hạn hợp đồng: từ 01/01/2009 đến hết ngày 31/12/2009

- Đơn giá: theo bảng chào giá cạnh tranh hàng tháng

❖ **Hợp đồng góp vốn đầu tư dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh năm 2009**

- Số 03.09 /GV-QNTPJSC-BTP ngày 27 tháng 5 năm 2009

- Được ký kết giữa Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa và Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (QNTPJSC)

- Thời hạn hợp đồng: 3 năm kể từ ngày 27 tháng 5 năm 2009 là thời hạn không được chuyển nhượng vốn. Trường hợp trong thời hạn nói tại khoản này cổ phiếu của Công ty Cổ phần nhiệt điện Quảng Ninh được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán hay Trung tâm giao dịch chứng khoán thì quy định này hết hiệu lực vào ngày cổ phiếu được niêm yết.

- Theo hợp đồng, tỷ lệ góp vốn Công ty cam kết là 110.800.000.000 đồng, tương đương 2,46 %. Công suất dự kiến của nhà máy là 1.200 MWh.

- Đến ngày 31/7/2009, Công ty đã góp 70,8 tỷ đồng.

❖ **Hợp đồng góp vốn đầu tư dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng năm 2009**

- Số 1331 /HĐGV-NĐHP ngày 14 tháng 7 năm 2009
- Được ký kết giữa Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa và Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
- Thời hạn hợp đồng: 3 năm kể từ ngày 14 tháng 7 năm 2009 là thời hạn không được chuyển nhượng vốn. Trường hợp trong thời hạn nói tại khoản này cổ phiếu của Công ty Cổ phần nhiệt điện Hải Phòng được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán hay Trung tâm giao dịch chứng khoán thì quy định này hết hiệu lực vào ngày cổ phiếu được niêm yết.
- Theo hợp đồng, tỷ lệ góp vốn Công ty cam kết là 108.730.000.000 đồng, tương đương 2,17%. Công suất dự kiến của nhà máy là 1.200 MWh.
- Đến 11/09/2009, Công ty đã góp 68,73 tỷ đồng.

**7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất và 9 tháng đầu năm 2009**

**7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất và 9 tháng đầu năm 2009**

**Bảng 8:** Kết quả hoạt động kinh doanh 2007, 2008 và 9 tháng đầu năm 2009

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	01/01/2007- 31/10/2007	01/11/2007- 31/12/2007 (*)	Năm 2007(**)	Năm 2008(**)	9 tháng đầu năm 2009
Tổng tài sản	2.442.674,13	2.220.893,8	2.220.900,41	2.093.613,71	2.027.854,26
% tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước			-0,09%	-5,7%	-0,03%
Doanh thu thuần	979.977,61	175.760,97	1.173.121,30	1.288.172,22	1.021.189,52
% tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước			35%	10%	6%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(7.694,07)	42.753,27	90.711,03	245.101,74	24.102,32
% tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước			8806%	170%	-35%
Lợi nhuận khác	346,26	(1,68)	782,34	(560,41)	164,43
Lợi nhuận trước thuế	(7.347,80)	42.751,58	91.493,37	244.541,32	24.266,76
Lợi nhuận sau thuế	(5.290,41)	30.781,14	65.875,23	179.658,21	15.872,57



% tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước			8037%	173%	-50%
Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ		0,6%		5%	

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2007, 2008 đã kiểm toán và báo cáo 9 tháng đầu năm 2009

*(\*) Công ty chuyển thành Công ty cổ phần từ ngày 01/11/2007*

*(\*\*) Số liệu dựa theo báo cáo kiểm toán năm 2008 của Công ty CP Nhiệt Điện Bà Rịa*

Giải trình về chênh lệch giữa số liệu cuối kỳ trong báo cáo kiểm toán từ 01/11/2007 đến 31/12/2007 và số liệu đầu kỳ trong báo cáo kiểm toán năm 2008 của Công ty:

Do Công ty chuyển thành Công ty Cổ phần từ ngày 01/11/2007 nên vào thời điểm đó, Công ty TNHH Dịch vụ kiểm toán và Tư vấn UHY là đơn vị kiểm toán. Tuy nhiên, sau đó Công ty có đơn vị kiểm toán của Nhà nước nên đã có sự điều chỉnh về số liệu, dẫn đến chênh lệch giữa số liệu trên báo cáo kiểm toán từ 01/11/2007 đến 31/12/2007 và số liệu đầu kỳ trong báo cáo kiểm toán năm 2008.

Số liệu năm 2007 sử dụng nêu trên là được dựa theo báo cáo kiểm toán Nhà nước và biên bản kiểm tra quyết toán thuế (*Biên bản kiểm toán báo cáo tài chính năm 2007 của Công ty Nhiệt điện Bà Rịa ngày 05/09/2008 và Biên bản kiểm tra quyết toán thuế ngày 23/03/2009*). **Bảng giải trình chênh lệch số liệu cuối năm 2007 so với số liệu trên báo cáo kiểm toán độc lập 2008 như sau:**

**BẢN CÁO BẠCH**

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA



Chỉ tiêu	Số liệu UHY từ 01/1/2007 đến 31/10/2007	Số liệu UHY từ 01/11/2007 đến 31/12/2007	Số liệu UHY từ 01/01/2007 đến 31/12/2007	Số liệu thể hiện trên BC kiểm toán 2008	Chênh lệch	Ghi chú
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	175,760,975,735	979,977,614,101	1,155,738,589,836	1,173,121,300,498	17,382,710,662	(1)
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	175,760,975,735	979,977,614,101	1,155,738,589,836	1,173,121,300,498	17,382,710,662	
4. Giá vốn hàng bán	152,827,689,641	913,400,738,898	1,066,228,428,539	1,028,036,893,997	(38,191,534,542)	(2)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	22,933,286,094	66,576,875,203	89,510,161,297	145,084,406,501	55,574,245,204	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	31,507,450,175	2,076,632,220	33,584,082,395	33,584,082,395		
7. Chi phí tài chính	8,078,332,700	62,340,847,257	70,419,179,957	70,400,955,180	(18,224,777)	(3)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>8,078,332,700</i>	<i>44,845,593,745</i>	<i>52,923,926,445</i>	<i>52,905,701,668</i>	<i>(18,224,777)</i>	
8. Chi phí bán hàng	-	-	-	-		

**BẢN CÁO BẠCH**

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA



9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	3,609,129,044	14,006,732,301	17,615,861,345	17,556,503,402	(59,357,943)	(4)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD [30 = 20 + (21-22) - (24+25)]	42,753,274,507	7,694,072,135	35,059,202,372	90,711,030,314	55,651,827,942	
11. Thu nhập khác	634,191,812	358,140,915	992,332,727	1,430,100,301	437,767,574	(5)
12. Chi phí khác	635,878,861	11,874,217	647,753,078	647,753,078		
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	- 1,687,049	346,266,698	344,579,649	782,347,223	437,767,574	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	42,751,587,458	7,347,805,437	35,403,782,021	91,493,377,537	56,089,595,516	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	3,416,017,790	2,700,540,082	6,116,557,872	21,821,644,612	15,705,086,740	(6)
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	8,554,426,698	4,757,925,604	3,796,501,094	3,796,501,094		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	30,781,142,970	5,290,419,915	25,490,723,055	65,875,231,831	40,384,508,776	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	145	-		-		

**Giải trình các khoản chênh lệch:**

1. Điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán, bao gồm:		
- Bổ sung doanh thu tiêu dùng điện nội bộ phục vụ cho sản xuất điện		17,318,952,917
- Bổ sung doanh thu điện tiêu dùng phục vụ sản xuất giai đoạn DNNN (31/10/2007)		63,757,745
		<u>17,382,710,662</u>
2. Điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán, bao gồm:		(38,097,470,310)
Bổ sung chi phí tiêu dùng điện nội bộ phục vụ cho sản xuất điện	17,318,952,917	
Bổ sung chi phí điện tiêu dùng phục vụ sản xuất giai đoạn DNNN (31/10/2007)	63,757,745	
Điều chỉnh giảm chi phí trích trước sửa chữa lớn tài sản cố định trong giai đoạn DNNN	(55,480,180,972)	
Điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra quyết toán thuế, bao gồm:		(94,064,232)
Chi phí nguyên vật liệu phục vụ cư xá năm 2006	(75,510,112)	
Chi phí nguyên vật liệu phục vụ cư xá năm 2007	(18,554,120)	
		<u>(38,191,534,542)</u>
3. Điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán khoản chi phí lãi tiền vay đơn vị trích vượt so với số thực tế phải trả.		





## 4. Điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra quyết toán thuế, bao gồm:

Điều chỉnh giảm khoản chi phí không liên quan đến Doanh thu và Thu nhập chịu thuế năm 2005	(13,909,000)
Điều chỉnh giảm khoản chi phí không liên quan đến Doanh thu và Thu nhập chịu thuế năm 2006	(25,701,943)
Điều chỉnh giảm khoản chi phí không liên quan đến Doanh thu và Thu nhập chịu thuế năm 2007	(19,747,000)
	<u>(59,357,943)</u>

## 5. Bao gồm:

- Tăng thu nhập tiền quản lý hệ tồn đọng sau CPH từ công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của DN theo Biên bản kiểm toán Nhà nước	59,076,073
- Trích lập dự phòng phải thu khó đòi không đúng quy định	378,691,501
	<u>437,767,574</u>

## 6. Bao gồm:

- Bổ sung thuế thu nhập DN phải nộp bổ sung theo Biên bản kiểm toán	15,663,863,105
- Bổ sung thuế thu nhập DN phải nộp bổ sung theo Biên bản kiểm tra quyết toán thuế	41,223,635
	<u>15,705,086,740</u>

\* Ghi chú: Kiểm toán Nhà Nước thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2007, điều chỉnh giảm chi phí sửa chữa lớn trong giai đoạn Nhà Nước 10 tháng đầu năm 2007, công ty bắt buộc phải hạch toán điều chỉnh giai đoạn này để xác định giá trị thực của phần vốn Nhà Nước để bàn giao cho công ty cổ phần, còn phần



điều chỉnh trong 2 tháng cuối năm do báo cáo tài chính 2 tháng cuối năm 2007 đã được Đại Hội Đồng cổ đông thông qua rồi nên các số liệu điều chỉnh theo ý kiến của Kiểm toán Nhà Nước điều chỉnh trong 2 tháng cuối năm 2007 đã được công ty thực hiện trong năm 2008.

## **7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo**

Trong năm 2007 do sản lượng khí không ổn định, và không đủ đáp ứng nhu cầu về nhiên liệu nên Công ty phải vận hành bằng dầu DO vì vậy làm cho chi phí của Công ty tăng lên. Đồng thời, giá thành điện cao (do chi phí vận hành bằng dầu DO cao hơn bằng khí đồng hành) đã dẫn đến sản lượng điện tiêu thụ giảm, nguyên nhân do EVN chỉ huy động nguồn điện từ Công ty lúc cao điểm từ đó làm cho lợi nhuận của Công ty giảm đi.

Năm 2007 Công ty tích cực tìm nhiều biện pháp để giảm chi phí sửa chữa lớn như tìm kiếm nguồn gia công trong nước thay thế các phụ tùng nhập ngoại từ đó giảm chi phí sản xuất.

Mặc dù có ảnh hưởng do chi phí nhiên liệu dầu DO tăng, sản lượng khí suy giảm ... nhưng do Công ty đã cố gắng tiết kiệm chi phí nên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2007 với tỷ suất lợi nhuận cao hơn năm 2006.

Tương tự năm 2007, trong năm 2008, sản lượng điện tiêu thụ giảm nguyên nhân do giá thành cao do sự biến động về sản lượng khí và Công ty sử dụng dầu DO thay cho khí đồng hành để vận hành nhà máy với chi phí cao hơn, vì vậy lợi nhuận quý 2 lỗ 1.298.451.618 đồng. Tuy nhiên Công ty tích cực tìm nhiều biện pháp để giảm chi phí sửa chữa lớn như tìm kiếm nguồn gia công trong nước thay thế các phụ tùng nhập ngoại từ đó giảm chi phí sản xuất nên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2008 với tỷ suất lợi nhuận đạt 125% kế hoạch.

Lợi nhuận trước thuế năm 2008 là 244.541,32 triệu đồng bao gồm lợi nhuận do chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (185.854,24 triệu đồng, đây là khoản Công ty được giữ lại nhưng không được sử dụng do hợp đồng vay giữa Công ty với Tập đoàn Điện lực chưa hết hạn, hàng năm Công ty phải đánh giá lại chênh lệch tỷ giá) và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính. Do vậy, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính là 58.686,72 triệu đồng.

9 tháng đầu năm 2009, sản lượng điện thương phẩm cung cấp cho EVN đạt 1.578 triệu kWh với giá trị doanh thu là 1.019 tỷ đồng đạt 84% so với kế hoạch. Nguyên nhân sản lượng đạt 76% so với kế hoạch năm nhưng doanh thu đạt được 84% so với kế hoạch năm là do từ tháng 7 năm 2009 giá khí Cửu Long tăng lên 2,98 USD/tr BTU, khi lập KH năm 2009 theo giá khí 2 USD/tr BTU. Giá khí tăng nên đơn giá tiền điện tăng, dẫn đến doanh thu tiền điện tăng theo. Đồng thời trong 9 tháng đầu năm sản lượng khí Cửu Long thiếu nên Công ty đã chạy khí Nam Côn Sơn, nên phần chi phí tăng thêm do chênh lệch giá khí Cửu Long và Nam Côn Sơn, EVN bù vào doanh thu. Dẫn đến có sự chênh lệch về % tăng doanh thu và sản lượng.

## 8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

### 8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Hiện nay và trong những năm tới, với sản lượng điện sản xuất và cung cấp cho hệ thống khoảng 2,1 tỷ KWh/năm như hiện nay, sản lượng điện của Công ty chiếm khoảng 3,4% sản lượng điện sản xuất của cả nước.

Theo tính toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế với tốc độ tăng trưởng từ 7,5-8%/năm với mục tiêu đến năm 2020 Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp thì trong 20 năm tới (đến 2025) nhu cầu điện sẽ tăng từ 15-17% mỗi năm. Tuy nhiên, nguồn cung điện vẫn còn hạn chế và đang tăng trưởng ở mức thấp với bình quân là 12%/năm giai đoạn từ năm 2003- 2008 và sẽ còn tiếp tục thiếu hụt trong vài năm sắp tới nữa. Nguyên nhân là do mức độ hiệu quả khó được cải thiện vì kỹ thuật còn hạn chế, ngoài ra, các dự án mở rộng bị đình trệ vì thiếu vốn. Vì thế, cho đến 2015 thì các nhà máy của Công ty vẫn đóng vai trò hết sức quan trọng trong hệ thống điện Quốc gia.

Bên cạnh đó là lợi thế về chi phí trong sản xuất điện so với các nhà máy điện hiện nay cũng như so với chi phí sản xuất điện của các nhà máy nhiệt điện khác tới đây sẽ đi vào vận hành thì Nhiệt điện Bà Rịa sẽ có chi phí thấp hơn, đây cũng là một trong những lợi thế lớn của Công ty khi tham gia vào thị trường điện.

### 8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Việt Nam là một nước đang phát triển nên nhu cầu điện năng phục vụ sản xuất và sinh hoạt rất lớn. Ước tính, mỗi 1% tăng trưởng GDP sẽ tạo ra 2% tăng trưởng nhu cầu về điện tại Việt Nam. Tốc độ tăng trưởng nhu cầu điện năng từ năm 2004 đến năm 2008 bình quân là 13,5% trong khi mức tăng trưởng GDP cùng khoảng thời gian này là 7,8%. (Nguồn: GSO, EVN, SSI) Theo Quy hoạch phát triển ngành điện- Tổng sơ đồ VI, đến năm 2015, Việt Nam có thêm thêm 80 dự án mới được xây dựng. Theo kế hoạch phát triển, đến năm 2025, mục tiêu tổng công suất đạt được là 85.600 MW.

MW	2010F	2015F	2020F	2025F
Thủy điện	9.192	13.600	17.200	21.300
<b>Nhiệt điện chạy bằng khí đốt và dầu</b>	<b>9.445</b>	<b>13.400</b>	<b>16.300</b>	<b>17.000</b>
Nhiệt điện chạy bằng than	5.975	12.100	18.300	35.800
Điện từ nguồn năng lượng mới	347	1.270	1.800	2.300
Điện nhập khẩu	820	2.100	5.200	5.200

Điện hạt nhân	-	-	2.000	4.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.779</b>	<b>42.470</b>	<b>60.800</b>	<b>85.600</b>

**Bảng 9:** Kế hoạch công suất điện đến năm 2025

Nguồn: EVN, SSI research

Trong đó nhiệt điện than chiếm 41,8%, thủy điện chiếm 24,9% và nhiệt điện khí chiếm 14,8%. Tỷ lệ thủy điện và nhiệt điện khí sẽ giảm dần và nhiệt điện than sẽ chiếm tỷ lệ lớn nhất. Từ năm 2020, điện hạt nhân được dự kiến sẽ thêm vào những nguồn năng lượng tạo điện.

Là một thành viên của EVN, Công ty sẽ có nhiều thuận lợi và điều kiện phát triển trong việc kinh doanh điện năng và các dịch vụ liên quan khác.

### **8.3. Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới**

Điện lực là ngành thiết yếu của nền kinh tế quốc dân, phục vụ sản xuất kinh doanh và đáp ứng nhu cầu sinh hoạt. Sự phát triển của ngành điện có ý nghĩa nền tảng đối với công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước nói riêng và sự phát triển của nền kinh tế nói chung. Là một doanh nghiệp hoạt động kinh doanh điện năng, Công ty luôn luôn thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, phát triển ngành điện phải đi trước một bước để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

Định hướng phát triển của Công ty: Hiện nay việc mở rộng nhà máy điện Bà Rịa không thể thực hiện được vì hạn chế nguồn nhiên liệu vì vậy định hướng của Công ty là tìm dự án đầu tư mới nhà máy điện để đảm bảo vị thế hiện nay của Công ty trong ngành điện, trước mắt Công ty đầu tư vào Nhà máy nhiệt điện Quảng Ninh và Nhà máy nhiệt điện Hải Phòng để nâng cao công suất. Ngoài ra Công ty đang tích cực tìm kiếm thêm cơ hội đầu tư khác để nâng cao vị thế trong ngành.

## **9. Chính sách đối với người lao động**

Tổng số CBCNV trong Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa tính đến ngày 30/6/2009 là 305 người được cơ cấu như sau:

**Bảng 10:** Cơ cấu lao động tại 31/6/2009

Phân loại	Số người	Tỷ trọng (%)
<b>Theo trình độ</b>		
Đại học	103	33,77
Cao đẳng, trung cấp	92	30,16
Công nhân kỹ thuật bậc 7/7	02	0,66

Công nhân kỹ thuật	72	23,60
Lao động phổ thông, nhân viên hành chính	36	11,8
<b>Tổng cộng</b>	<b>305</b>	<b>100%</b>
<b>Theo tính chất công việc</b>		
Lao động gián tiếp	58	19,02%
Lao động trực tiếp	247	80,98%
<b>Tổng cộng</b>	<b>305</b>	<b>100%</b>

*Chế độ làm việc*

Đối với nhân viên khối hành chính:

Công ty thực hiện thời gian làm việc 08 giờ một ngày, 40 giờ một tuần theo giờ hành chính: sáng từ 7h – 11:30h, chiều từ 13h – 16:30h.

Nhân viên được nghỉ lễ, tết và nghỉ phép và hưởng lương theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Đối với lực lượng vận hành, bảo vệ:

Công ty thực hiện thời gian làm việc 08 giờ một ngày, 40 giờ một tuần theo chế độ 3 ca 5 kíp

Nhân viên được nghỉ lễ, tết và nghỉ phép và hưởng lương theo quy định hiện hành của Nhà nước và theo vòng ca.



#### *Chính sách tuyển dụng, đào tạo*

Để thực hiện tốt các mục tiêu kinh doanh, Công ty luôn quan tâm đến việc bổ sung và nâng cao nguồn nhân lực. Nhu cầu về nguồn nhân lực được đáp ứng thông qua các kế hoạch đào tạo hoặc tuyển dụng, phân công và điều phối lao động thích hợp. Để tạo điều kiện cho các Trưởng bộ phận được chủ động và bố trí nhân lực đúng người, đúng việc, các Trưởng bộ phận được phép đề xuất tham gia công tác tuyển dụng các nhân viên trực thuộc phòng ban mình.

Công ty khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ, công nhân viên đăng ký tham gia vào các khóa đào tạo dài hạn hoặc ngắn hạn để nâng cao trình độ kiến thức, chuyên môn nghiệp vụ.

#### *Chính sách lương, thưởng, phúc lợi*

- Lương chính: Không thấp hơn mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định cho từng chức danh công việc.
- Phụ cấp lương: Phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp thu hút, phụ cấp kiêm nhiệm, phụ cấp độc hại, phụ cấp điện thoại.
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế: Công ty đóng theo quy định.
- Đảm bảo các chế độ thưởng Lễ-Tết cho Cán bộ công nhân viên, mức thưởng luôn thỏa đáng để kịp thời động viên tinh thần của Cán bộ công nhân viên. Công ty thưởng định kỳ và đột xuất cho các cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong năm hoặc có những sáng kiến cải tiến đem hiệu quả cho Công ty.
- Việc xem xét nâng lương theo quy chế của Công ty.
- Hằng năm, tất cả nhân viên được khám sức khỏe định kỳ hoặc khi có đau bệnh, tang ma, cưới hỏi đều được Công ty hỗ trợ chi phí.
- Các hình thức kỷ luật tuân theo quy định của Bộ luật lao động và theo Nội quy lao động của Công ty.

## **10. Chính sách cổ tức**

Căn cứ theo điều lệ của Công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và do Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Cổ đông được chia cổ tức theo tỷ lệ vốn góp.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị căn cứ trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính và kế hoạch kinh doanh của các năm tới.
- Tùy theo tình hình thực tế, Hội đồng quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông vào giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
- Năm 2005 và 2006, toàn bộ lợi nhuận của Công ty đều được giữ lại để đầu tư phát triển.
- Dự kiến tỷ lệ cổ tức sẽ tăng đều qua các năm tương ứng là: 2009 tối thiểu là: 5%/năm, năm 2010 tối thiểu: 7%/năm và năm 2011 tối thiểu là 9%/năm.

## 11. Tình hình hoạt động tài chính

### 11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

#### (a) Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định của Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Tổng Công ty Điện lực Việt Nam đã hướng dẫn chi tiết Quyết định số 206/QĐ-BTC tại văn bản số 3131/CV-EVN-TCKT ngày 30 tháng 6 năm 2004 (đã được chấp thuận của Bộ Tài chính). Một số tài sản cố định theo các quy định cụ thể của Tổng Công ty và được phép của Bộ Tài chính có tỷ lệ khấu hao khác với tỷ lệ khấu hao theo quy định cho phù hợp với đặc thù của ngành điện. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 25
Máy móc thiết bị	08 - 12
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10 - 15
Dụng cụ quản lý	03 - 05
TSCĐ khác	05 - 10

#### (b) Mức thu nhập bình quân

Năm	Đơn vị	2007	2008	9 tháng đầu năm 2009
Mức lương bình quân	Đồng/người/ tháng	4.996.000	6.220.000	4.977.321

Nguồn: BTP

Mức thu nhập bình quân của CBCNV trong Công ty tương đương với mức thu nhập bình quân của khối sản xuất điện trong EVN nhưng còn thấp hơn nhiều so với các nhà máy điện BOT trong vùng nên thời gian qua Công ty mất rất nhiều lực nhân lực, hiện Công ty đang có các biện pháp để tăng thêm thu nhập cho CBCNV bằng cách nâng cao năng suất lao động (Đẩy mạnh công tác dịch vụ kỹ thuật, sửa chữa bảo dưỡng cho các đơn vị trong và ngoài ngành)



**(c) Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Tính đến thời điểm 9 tháng đầu năm 2009, Công ty thực hiện tốt các nghĩa vụ công nợ cho khách hàng và không có khoản nợ đến hạn và quá hạn.

**(d) Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty thực hiện đầy đủ việc nộp thuế hàng năm cho Nhà nước theo đúng luật định. Trong 9 tháng đầu năm 2009, Công ty đã nộp các loại thuế với tổng số tiền là 69.688.211.049 đồng, số còn phải nộp đến 30/9/2009 là 4.789.252.876 đồng.

**(e) Trích lập các quỹ theo luật định**

Việc trích lập các quỹ hàng năm căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

- Quỹ dự phòng tài chính, trích không quá 10% lợi nhuận sau thuế của Công ty
- Quỹ khen thưởng phúc lợi 2,5 tháng lương
  - Phần lợi nhuận còn lại được bổ sung vào Quỹ đầu tư phát triển của Công ty.

**Bảng 11:** Các quỹ trích lập năm 2007 và năm 2008

Đơn vị tính: đồng

Các quỹ	10 tháng đầu năm 2007	02 tháng cuối năm 2007	Năm 2008
Quỹ đầu tư phát triển	32.418.525.164	32.418.525.164	34.987.230.036
Quỹ dự phòng tài chính			513.740.974
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.967.611.727	2.948.981.727	3.933.030.191
Quỹ khác	393.811	393.811	257.264.298

Nguồn: BTP

**(f) Tổng dư nợ vay**

Tại thời điểm 31/12/2008, tình hình nợ vay của Công ty như sau:

- Nợ ngắn hạn: 0 đồng
- Phải trả nội bộ: 4.828.077.899 đồng
- Nợ dài hạn đến hạn trả: 92.795.126.812 đồng
- Nợ vay dài hạn: 875.836.126.645 đồng

Khoản phải trả nội bộ là khoản lợi nhuận phải chuyển về Tập đoàn năm 2005 và 2006.

Nợ dài hạn đến hạn trả và nợ vay dài hạn là khoản Công ty vay đầu tư cho công trình đuôi hơi 306-1, 306-2 và công trình Nâng công suất các tổ máy. Khoản vay đầu tư cho dự án 306-1 là



khoản vay lại Tập đoàn Điện lực Việt Nam (từ nguồn vay của ngân hàng Thế Giới), khoản vay đầu tư dự án 306-2 là khoản vay ưu đãi Hàn Quốc (EDCF) và vay trong nước (NH ĐT và PT BRVT), khoản vay đầu tư cho công trình Nâng công suất là khoản vay của NH ĐT và PT BRVT. Hợp đồng vay vốn ODA Hàn Quốc có thời hạn 27 năm trong đó có 7 năm ân hạn kể từ ngày 12/01/2001, trong thời gian ân hạn chưa phải trả gốc, chỉ trả lãi và phí là 2,2%/năm, trả gốc và lãi mỗi năm 2 lần, vào tháng 5 và tháng 11 hàng năm, bắt đầu trả nợ gốc tháng 5/2008. Dư nợ hiện tại 47.479.299.623 krw. Hợp đồng vay lại Tập đoàn Điện lực Việt Nam có thời hạn 8 năm, gốc và lãi vay trả mỗi năm 2 lần vào tháng 5 và tháng 11 hàng năm, dư nợ hiện tại là 19.561.996,42USD.

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2008 tình hình nợ vay của Công ty như sau:

Ngân hàng	Hạn mức	Lãi suất (%) / năm	Dư nợ
Ngân hàng phát triển VN Chi nhánh Vũng Tàu	49.978.210.130 won	2,2	47.479.299.623 won
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh BRVT	27.877.412.064 đ	10,7	20.177.412.064 đ
	15.000.000.000 đ	7,0	2.040.000.000 đ
	25.000.000.000 đ	5,4	6.100.000.000 đ
Vay lại Tập đoàn Điện lực Việt Nam	24.045.481 USD	6,9	19.561.996,42 USD

Nguồn: BTP

**(g) Tình hình công nợ hiện nay**

**Bảng 12: Các khoản phải thu**

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	01/01/2007 - 31/10/2007		01/11/2007 - 31/12/2007		Năm 2008		9 tháng đầu năm 2009	
		Số tiền	Quá hạn	Số tiền	Quá hạn	Số tiền	Quá hạn	Số tiền	Quá hạn
1	Phải thu khách hàng	12,5	-	193.745,56	-	260.120	-	226.110,15	-
2	Trả trước cho người bán	2.098,57	-	2.832,76	-	4,6-	-	2.452,94	-



3	Phải thu nội bộ	998.560,96	-	636.942,47	-	636.942	-	561.864,95	-
4	Các khoản phải thu khác	845,08	-	1.213,82	-	1.125	-	1.210,41	-
5	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-	-	(378,69)	-	(378,69)	-	(378,69)	-

Nguồn: Báo cáo tài chính 2007, 2008 đã kiểm toán và Báo cáo 9 tháng đầu năm 2009

Dự phòng khoản phải thu quá hạn khó đòi 378,69 triệu đồng đối với Công ty Nguyễn Chí, đây là khoản tạm ứng thuế GTGT Công ty Nguyễn Chí. Công ty đã kiện ra tòa và hiện nay phòng thi hành án thị xã Bà Rịa đang thụ lý và đã mời Công ty thẩm định giá EXIM định giá lô hàng của Công ty Nguyễn Chí gửi tại Công ty để bán thanh lý thu hồi khoản nợ trên, khoản thu này Công ty sẽ thu được trong khoản thời gian ngắn tới đây.

Khoản phải thu nội bộ là chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại gốc vay và các khoản khấu hao trước đây trong giai đoạn nhà nước, Công ty đang tích cực làm việc với EVN, Bộ Công Thương và Bộ Tài Chính để bàn giao vốn Nhà Nước và thanh toán các khoản trên.

Khoản phải thu nội bộ 998.560.961.643 đồng bao gồm tiền điện: 361.618.489.749 đồng; chi phí sản xuất kinh doanh điện: 174.495.708.737 đồng; chênh lệch tỷ giá: 462.446.763.157 đồng là do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của những năm trước còn tồn lại, vì chưa quyết toán vốn với EVN tại thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần nên Công ty phải thu lại số tiền trên từ EVN.

**(h) Các khoản phải trả**

**Bảng 13:** Các khoản phải trả

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	01/01/2007-31/10/2007		01/11/2007-31/12/2007		Năm 2008		9 tháng đầu năm 2009	
		Số tiền	Quá hạn	Số tiền	Quá hạn	Số tiền	Quá hạn	Số tiền	Quá hạn
1	Phải trả cho người bán	117.377,66	-	137.824,86	-	142.949,84	-	156.088,61	-

2	Người mua trả tiền trước		-		-	-	-	-	-
3	Thuế và các khoản phải nộp cho NN	39.365,06	-	7.887,43	-	34.847,29	-	5.008,15	-
4	Phải trả công nhân viên	8.509,35	-	6.883,31	-	8.284,58	-	2.899,73	-
5	Chi phí phải trả	62.797,89	-	60.138,35	-	10.272,79	-	63.072,92	-
6	Phải trả nội bộ	38.328,07	-	82.204,31	-	4.828,07	-	26.543,91	-
7	Phải trả phải nộp khác	732,03	-	825,64	-	1.091,4	-	1.275,49	-
8	Phải trả dài hạn khác		-	-	-	-	-	-	-

Nguồn: Báo cáo tài chính 2007, 2008 đã kiểm toán và Báo cáo 9 tháng đầu năm 2009

Tất cả các khoản nợ của công ty đều được phân tuổi, theo dõi thanh toán kịp thời, các khoản nợ trên đều nằm trong thời hạn thanh toán. Khoản nợ phải trả người bán là khoản phải trả nhiên liệu, khoản này có thời hạn thanh toán sau 30 ngày kể từ ngày nhận hàng hóa (thường vào ngày đầu tháng nên đầu tháng sau mới thanh toán)

## 11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

**Bảng 14:** Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2007	Năm 2008	9 tháng đầu năm 2009
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
- Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn = TSLĐ/Nợ ngắn hạn	lần	2,7	3,68	3,36
- Hệ số thanh toán nhanh = (TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	2,37	3,21	2,95
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,69	0,58	0,6

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2007	Năm 2008	9 tháng đầu năm 2009
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	2,2	1,41	1,53
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
- Vòng quay hàng tồn kho	vòng	6,98 (*)	8,86	7,03
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	53	61,53	50,36
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi</b>				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,6	14(**)	1,55
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	3	21(**)	1,98
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	3	9(**)	0,78
- Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	7,7	19,03	2,36

Nguồn: Báo cáo tài chính 2007, 2008 đã kiểm toán và Báo cáo 9 tháng đầu năm 2009

(\*): Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân. Số liệu hàng tồn kho đầu kỳ được lấy tại thời điểm 1/1/2007(BCKT từ 1/1/2007 đến 31/10/2007) trước Cổ phần hóa và số liệu hàng tồn kho cuối kỳ được lấy tại thời điểm 31/12/2007(BCKT từ 1/11/2007 đến 31/12/2007) sau Cổ phần hóa.

(\*\*): Lợi nhuận sau thuế có bao gồm lợi nhuận do chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ và lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh

Các chỉ tiêu tài chính của Công ty tương đối tốt, khả năng thanh toán đảm bảo, tỷ lệ nợ/tổng tài sản ở mức an toàn trong khoảng từ 50 - 70% tổng tài sản. Các chỉ tiêu khác tương đương hoặc nằm trong mức trung bình ngành.

## 12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

**Bảng 15:** Danh sách HĐQT, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức danh	Số CMND
<b>Hội đồng quản trị</b>		
Phạm Hữu Hạnh	Chủ tịch HĐQT	273250472
Huỳnh Lin	Ủy viên HĐQT; Tổng Giám đốc	273234995
Vũ Mạnh Hùng	Ủy viên HĐQT	012127584
Lê Thế Sơn	Ủy viên HĐQT	142469006
Phạm Quốc Thái	Ủy viên HĐQT; Kế toán Trưởng	273250468
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>		
Phan Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	021983486
Nguyễn Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc	273250469
<b>Ban Kiểm soát</b>		
Lưu Văn Hồng	Trưởng Ban KS	273252059
Hoàng Chí Khương	Ủy viên Ban KS	022854013
Trần Thị Bảo Xuân	Ủy viên Ban KS	273022945

Nguồn: BTP

### **Hội đồng quản trị**

#### **1. Ông PHẠM HỮU HẠNH**

Chức vụ hiện tại : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa  
Giới tính : Nam  
Ngày tháng năm sinh : 28/9/1950  
Nơi sinh : Quận 4 - Thành phố Hồ Chí Minh  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Địa chỉ thường trú : Cư xá Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa, Phường Long



	Hương - Thị xã Bà Rịa - Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
Điện thoại	: 0962. 501 002
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư Công nghệ
Quá trình công tác	
5/1975 - 7/1983	: Trưởng ca vận hành, kỹ thuật viên phân xưởng vận hành nhà máy điện Cần Thơ
8/1983 - 10/1987	: Phó quản đốc phân xưởng vận hành nhà máy điện Cần Thơ, chủ tịch công đoàn bộ phận
10/1987 - 01/1992	: Quản đốc phân xưởng sửa chữa cơ nhà máy điện Cần Thơ, phó chủ tịch công đoàn cơ sở, ủy viên ban chấp hành liên đoàn lao động tỉnh Hậu Giang
01/1992 - 8/1992	: Trưởng phòng kỹ thuật nhà máy điện Cần Thơ, phó chủ tịch công đoàn cơ sở, ủy viên ban chấp hành liên đoàn lao động tỉnh Hậu Giang, chi ủy viên chi bộ nhà máy điện Cần Thơ
8/1992 - 12/1992	: Kỹ thuật ban quản lý công trình xây dựng turbine khí Bà Rịa
12/1992 - 3/1993	: Phó Giám đốc nhà máy điện Chợ Quán, công tác tại trạm phát điện turbine khí Bà Rịa
4/1993 - 12/1994	: Phó Giám đốc nhà máy điện Bà Rịa, chủ tịch công đoàn cơ sở nhà máy điện Bà Rịa, Phó bí thư chi bộ nhà máy điện Bà Rịa.
01/01/1995	: Giám đốc nhà máy điện Bà Rịa, Phó bí thư chi bộ nhà máy điện Bà Rịa (Nay là Công ty nhiệt điện Bà Rịa)
23/10/2007	: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa.
Số cổ phần nắm giữ	
- Số cổ phần cá nhân sở hữu	: 8.500, chiếm 0,014 % vốn điều lệ
- Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước	: 23.921.557, chiếm 39,5% vốn điều lệ
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	: Nguyễn Thị Kim Chi - 1.200 CP, chiếm 0,002% vốn điều lệ



Hành vi vi phạm pháp luật : Không  
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không  
Các khoản nợ đối với Công ty : Không

**2. Ông HUỖNH LIN**

Chức vụ hiện tại : Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa  
Giới tính : Nam  
Ngày tháng năm sinh : 20/4/1960  
Nơi sinh : Huyện Đức Phổ - Tỉnh Quảng Ngãi  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Địa chỉ thường trú : Cư xá Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa, Phường Long Hương - Thị xã Bà Rịa - Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu  
Điện thoại : 0962 501 003  
Trình độ văn hoá : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Thiết bị điện  
Quá trình công tác  
12/1983 - 7/1988 : Tổ trưởng tổ sửa chữa điện nhà máy điện Cần Thơ  
8/1988 - 3/1993 : Phó quản đốc phụ trách phân xưởng điện nhà máy điện Cần Thơ  
4/1993 - 9/1995 : Quản đốc phụ trách phân xưởng điện nhà máy điện Cần Thơ  
10/1995 - 2/1996 : Trợ lý Giám đốc nhà máy điện Bà Rịa  
3/1996 - 11/2007 : Phó Giám đốc nhà máy điện Bà Rịa. (nay là Công ty nhiệt điện Bà Rịa)  
19/11/2007 : Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa  
Số cổ phần nắm giữ  
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 2.100, chiếm 0,00347 % vốn điều lệ  
- Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước : 12.100.000, chiếm 20% vốn điều lệ





Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu : Không  
Hành vi vi phạm pháp luật : Không  
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không  
Các khoản nợ đối với Công ty : Không

### **3. Ông VŨ MẠNH HÙNG**

Chức vụ hiện tại : Phó Trưởng Ban Kế hoạch - Tập Đoàn Điện lực Việt Nam  
Giới tính : Nam  
Ngày tháng năm sinh : 10/8/1966  
Nơi sinh : Nam Định  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Địa chỉ thường trú : Số 15, tổ 2, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.  
Điện thoại : 0963 100866  
Trình độ văn hoá : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện  
Quá trình công tác  
1990 - 02/1997 : Đào tạo và làm Trưởng ca Điều độ lưới điện khu vực Hà Nam Ninh, Nam Hà thuộc Công ty Điện lực 1.  
03/1997 - 6/2000 : Cán bộ kỹ thuật, trưởng phòng kỹ thuật giám sát công trình của Ban quản lý dự án cải tạo lưới điện 3 thành phố Hà Nội - Hải Phòng - Nam Định thuộc Công ty Điện lực 1. Chuyên viên Ban Tổ chức cán bộ và đào tạo Tổng Công ty Điện lực Việt Nam.  
7/2000 - 3/2004 : Phó trưởng Ban Cổ phần hoá và chứng khoán Tập đoàn  
4/2004 : Điện lực Việt Nam.  
:



Số cổ phần nắm giữ

- Số cổ phần cá nhân sở hữu :
- Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước : 12.100.000, chiếm 20% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ : Không

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

**4. Ông LÊ THẾ SƠN**

Chức vụ hiện tại : Kế toán trưởng Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 04/02/1962

Nơi sinh : Xã Hải Trung, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Điện thoại : 0963095187- 0913095187

Trình độ văn hoá : 10/10

Trình độ chuyên môn : Đại học Tài chính Kế toán

Quá trình công tác

4/1984 - 01/1998 : Kế toán viên, Công ty Diezen Sông Công, Thái Nguyên  
Kế toán viên, Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại

02/1998 - 3/2001 : Phó phòng Tài chính kế toán Công ty cổ phần Nhiệt điện  
4/2001 - 4/2008 : Phả Lại

Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty cổ phần Nhiệt  
điện Phả Lại

5/2008 - 3/2009 : Kế toán trưởng Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại



01/4/2009 – nay	:	
Số cổ phần nắm giữ	:	
- Số cổ phần cá nhân sở hữu	:	Không
- Số cổ phần đại diện sở hữu của Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	:	670.000, chiếm 1,108% vốn điều lệ
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không

**5. Ông PHẠM QUỐC THÁI**

Chức vụ hiện tại	:	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	19/4/1969
Nơi sinh	:	Huyện Châu Thành - Tỉnh Tiền Giang
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	P.Long Hương - Tx Bà Rịa - Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
Điện thoại	:	0962 501 004
Trình độ văn hoá	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kế hoạch hóa kinh tế quốc dân
Quá trình công tác	:	
10/1993 - 6/1995	:	Chuyên viên kế hoạch thống kê - Phòng kế hoạch kỹ thuật nhà máy điện Bà Rịa
7/1995 - 3/2001	:	Chuyên viên kế toán - Phòng kế toán tài chính nhà máy điện Bà Rịa Phó phòng kế toán tài chính nhà máy điện Bà Rịa Quyền trưởng phòng kế toán tài chính nhà máy



4/2001 - 6/2003 : Trưởng phòng Tài chính kế toán  
09/6/2003 : EVN Bổ nhiệm chức danh kế toán Trưởng Công ty Nhiệt  
01/3/2004 : điện Bà Rịa.  
Bổ nhiệm chức vụ: Kế toán trưởng Công ty cổ phần  
01/7/2005 - nay : Nhiệt điện Bà Rịa

**Số cổ phần nắm giữ**

- Số cổ phần cá nhân nắm giữ : 2.100, chiếm 0,003% vốn điều lệ

- Số cổ phần đại diện phần vốn nhà  
nước : Không

Những người có liên quan nắm giữ cổ  
phiếu : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

***Ban giám đốc***

**1. Ông HUỖNH LIN: Tổng Giám đốc** - Xem phần HĐQT

**2. Ông PHAN VĂN DŨNG**

Chức vụ hiện tại : Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật Công ty cổ phần Nhiệt điện  
Bà Rịa

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 20/3/1967

Nơi sinh : Huyện Bình Chánh – Thành phố Hồ Chí Minh

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : B10/18, ấp 2, xã Hưng Long - Huyện Bình Chánh - T.  
phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : 0962 501 005



Trình độ văn hoá	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư Thiết bị điện
Quá trình công tác	:	
26/8/1991	:	Công ty điện lực 2
06/11/1991	:	Nhà máy điện Chợ Quán
7/11/1991	:	Trạm phát điện Bà Rịa Trưởng ca vận hành turbine khí trạm phát điện Bà Rịa
21/7/1992	:	Phó phòng kế hoạch kỹ thuật kiêm kỹ sư an toàn Trưởng phòng kế hoạch kỹ thuật nhà máy điện Bà Rịa
14/7/1994	:	Trưởng phòng kỹ thuật
01/2/1997	:	Phó Giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
09/5/2000	:	
24/12/2007	:	
20/5/2009	:	
Số cổ phần nắm giữ	:	1.000 cổ phần, chiếm 0,0165% vốn điều lệ
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không

### **3. Ông NGUYỄN TIẾN DŨNG**

Chức vụ hiện tại	:	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	03/5/1968
Nơi sinh	:	Xã Hoàng Đạo - H.Hoàng Hóa - Tỉnh Thanh Hóa
Quốc tịch	:	Việt Nam



Dân tộc : Kinh  
Địa chỉ thường trú : Phường Long Hương - Tx Bà Rịa - Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu  
Điện thoại : 0962 501 009  
Trình độ văn hoá : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy  
Quá trình công tác  
01/1989 - 7/1991 : Công tác tại nhà máy thủy điện Trị An  
8/1991 - 11/1992 : Công tác tại trạm turbinekhí nhà máy điện Chợ Quán  
Tổ trưởng sửa chữa cơ điện nhà máy điện Bà Rịa  
12/1992 - 12/1995 : Tổ trưởng sửa chữa cơ thuộc PXSC Cơ Điện nhà máy  
01/1996 - 12/1997 : điện Bà Rịa  
Phó Quản đốc phân xưởng sửa chữa cơ  
01/1998 - 6/2003 : Quản đốc phân xưởng sửa chữa cơ nhiệt, Công ty Nhiệt  
6/2003 - 02/2008 : điện Bà Rịa  
Phó Giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa  
02/2008 : Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa  
25/12/2007 :  
Số cổ phần nắm giữ : 3.200 cổ phần, chiếm 0,0053% vốn điều lệ  
Những người có liên quan nắm giữ cổ : Võ Thị Bích Phượng - 900 cổ phần, chiếm 0,0015% vốn  
phiếu : điều lệ  
Hành vi vi phạm pháp luật : Không  
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không  
Các khoản nợ đối với Công ty : Không

***Ban kiểm soát***

**1. Ông LƯU VĂN HỒNG**

Chức vụ hiện tại : Chánh Văn phòng Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa  
Giới tính : Nam  
Ngày tháng năm sinh : 06/7/1954



Nơi sinh : Thị xã Tân An - Tỉnh Long An

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Long Hương - Tx Bà Rịa - Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Điện thoại : 0962 501 021

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Trung cấp Cơ khí ô tô

Quá trình công tác

01/8/1973 : Ra trường công tác tại ngành điện, tham gia công trường xây dựng nhà máy điện Cần Thơ

5/1975 - 5/1984 : Tổ trưởng tổ sửa chữa lò máy, nhà máy điện Cần Thơ  
Trưởng phòng hành chính quản trị nhà máy điện Cần Thơ

5/1984 - 10/1987 : Trưởng phòng vật tư nhà máy điện Cần Thơ

10/1987 - 5/1993 : Phó trưởng phòng kế hoạch kỹ thuật nhà máy điện Bà Rịa

5/1993 - 6/1994 : Trưởng phòng vật tư nhà máy điện Bà Rịa  
Chánh Văn phòng Công ty nhiệt điện Bà Rịa

7/1994 - 01/2006 :

01/2006 đến nay :

Số cổ phần nắm giữ : 4.000 cổ phần, chiếm 0,0066% vốn điều lệ

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

**2. Bà TRẦN THỊ BẢO XUÂN**

Chức vụ hiện tại : Chuyên viên kế toán – Công ty CP nhiệt điện Bà Rịa



Giới tính : Nữ

Ngày tháng năm sinh : 26/01/1973

Nơi sinh : Bến Tre

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Ấp Tây, Xã Long Phước, TX.Bà Rịa, BR-VT

Điện thoại : 0902 735 566

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành tài chính kế toán

Quá trình công tác

12/1996 - 4/1999 : Kế toán CT Trung Tâm Bowling Đàm Sen.

4/1999 - 4/2001 : Kế toán Bưu cục Bà Rịa Vũng Tàu - Trục thuộc Công ty Cổ phần bưu chính viễn thông Sài Gòn.

2/2001 đến nay : Chuyên viên phòng TCKT - Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa.

Số cổ phần nắm giữ : Không

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

### **3. Ông HOÀNG CHÍ KHƯƠNG**

Chức vụ hiện tại : Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 05/6/1976

Nơi sinh : Quận Phú Nhuận - Thành phố Hồ Chí Minh

Quốc tịch : Việt Nam





Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	32 Trần Khắc Chân, phường 15, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại	:	0963 291 512
Trình độ văn hoá	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ kinh tế
Quá trình công tác	:	
10/2000 - 5/2002	:	Nhân viên Khoa Kinh tế Trường Đại học Dân Lập Hồng Bàng
5/2002 - 9/2002	:	Nhân viên Kế toán Điện lực Củ Chi
10/2002 - 6/2006	:	Công tác tại Điện lực Củ Chi
7/2006 - nay	:	Công tác tại Công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh
Số cổ phần nắm giữ	:	
- Số cổ phần cá nhân sở hữu	:	Không
- Số cổ phần đại diện sở hữu của Công ty Điện lực Thành phố	:	300.000 cổ phần, chiếm 0,495% vốn điều lệ
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không

***Kế toán trưởng***

**Ông PHẠM QUỐC THÁI** : Xem phần Hội đồng quản trị

### 13. Tài sản

Tổng giá trị Tài sản cố định hữu hình và vô hình của Công ty Nhiệt điện Bà Rịa tại thời điểm 30/9/2009 là 2.316.694,37 triệu đồng, trong đó:

**Bảng 16:** Một số tài sản chủ yếu của Công ty tại thời điểm 30/9/2009

Đơn vị tính: triệu VNĐ

Tài sản	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>2.315.913,74</b>	<b>1.443.788,73</b>	<b>872.125,01</b>
Nhà xưởng	86.646,15	35.231,83	51.414,32
Máy móc thiết bị	2.175.407,3	1.365.404,29	810.003
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	29.116,49	19.851,10	9.265,39
Thiết bị dụng cụ quản lý	24.743,8	23.301,51	1.442,28
<b>Tài sản cố định khác</b>	<b>885,78</b>	<b>146,38</b>	<b>739,39</b>
<b>Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>3.011,11</b>		<b>3.011,11</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.318.924,85</b>	<b>1.443.935,11</b>	<b>874.989,74</b>

Nguồn: BTP

#### Đất đai - nhà xưởng:

Diện tích đất đang quản lý	124.224 m <sup>2</sup>	Tình trạng pháp lý	Số năm được thuê
Đất xây dựng khu nhà máy	115.646,6 m <sup>2</sup>	thuê	50
Đất xây dựng khu nhà ở công nhân điều hành	8.577,4 m <sup>2</sup>	thuê	40

#### Một số phương tiện vận tải Công ty đang sử dụng:

TT	Thiết bị	Nước Sản xuất	Số lượng
1	XE FORD	Mỹ	01
2	XE CAMRY	Nhật	02

3	XE MAZDA	Nhật	01
4	XE KIA	Hàn quốc	01
5	XE TOYOTA	Nhật	04
6	XE TẢI BỒN		01
7	XE ISUZU	Nhật	01
8	XE BUS	Đức	01
8	XE BUS	Hàn quốc	01
9	XE CẦU	Nhật	01
10	XE ISUZU (TẢI CẦU)	Nhật	01
11	XE NÂNG	Nhật	01
12	Xe Ô TÔ BÁN TẢI ISUZU	Nhật	01

#### 14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo và kế hoạch đầu tư

##### 14.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2009 – 2011

**Bảng 17:** Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2009 - 2011

Đơn vị tính: triệu VNĐ

TT	Chỉ tiêu / Năm	ĐVT	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
1.	Vốn cổ đông	Tr. đồng	604.856	604.856	604.856
2.	Doanh thu	Tr. đồng	1.224.033	1.753.245	1.838.929
3.	Doanh thu thuần từ các hoạt động kinh doanh	Tr. đồng	1.223.653	1.752.865	1.838.139
4.	Giá vốn hàng bán	Tr. đồng	1.179.265	1.689.670	1.767.139
	<i>Sản xuất kinh doanh điện</i>	<i>Tr. đồng</i>	<i>1.130.934</i>	<i>1.612.037</i>	<i>1.695.756</i>
	<i>Bảo dưỡng, sửa chữa thí nghiệm TB điện</i>	<i>Tr. đồng</i>	<i>3.000</i>	<i>1.600</i>	<i>1.600</i>



TT	Chỉ tiêu / Năm	ĐVT	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
	Lắp đặt, xây dựng công trình, cải tạo TBĐ	Tr. đồng	210	210	210
	Sản xuất nước cất, nước uống đóng chai	Tr. đồng	650	700	700
	Giá trị SXKD khác	Tr. đồng	44.471	75.123	68.873
5.	Tổng lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	44.769	63.575	71.790
	Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động kinh doanh	Tr. đồng	44.669	55.175	57.390
	Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động đầu tư và hoạt động khác	Tr. đồng	100	8.400	14.400
6.	Khấu hao	Tr. đồng	169.040	169.000	170.000
7.	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ng/ tháng	6,30	6,70	7,0
8.	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		3,66%	3,63%	3,91%
9.	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn cổ đông		7,41%	10,51%	11,87%
10.	Cổ tức	%	5	7	9

Nguồn: BTP

## 14.2. Căn cứ để đạt các chỉ tiêu nêu trên

Căn cứ Quyết định số 110/2007/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2006 - 2015 có xét đến năm 2025 (gọi tắt là Quy hoạch điện VI), các thông tin dự báo nhu cầu sử dụng điện các năm tới, khả năng và tiến độ xây dựng các nhà máy mới thì cung vẫn chưa đủ cầu. Vì vậy sản lượng điện bán ra của Công ty là ổn định.

Căn cứ Quyết định số 21/2009/QĐ-TTg ngày 1/3/2009 của Thủ Tướng Chính Phủ về việc tăng giá điện từ năm 2009 và giá điện từ năm 2010 trở đi theo cơ chế thị trường là cơ sở để Công ty làm việc với EVN về việc điều chỉnh giá điện bù đắp các khoản chi phí đầu vào tăng lớn, từ đó, đảm bảo kết hoạch lợi nhuận.



Hiện nay, Công ty đã đầu tư góp vốn 70,8 tỷ đồng vào Nhà máy nhiệt điện Quảng Ninh có công suất 1.200 MWh, vốn điều lệ là 4.500 tỷ đồng bao gồm 02 nhà máy Quảng Ninh 1 và Quảng Ninh 2. Quảng Ninh 1 sẽ phát điện vào ngày 25/8/2009, còn Quảng Ninh 2 dự kiến phát điện vào Quý 2/2010. Như vậy công suất tăng thêm tương đương 26,67 MWh. Ngoài ra, Công ty đã đầu tư góp vốn 68,73 tỷ đồng vào Nhà máy nhiệt điện Hải Phòng có công suất 1.200 MWh, vốn điều lệ là 5.000 tỷ đồng bao gồm 02 nhà máy Hải Phòng 1 và Hải Phòng 2. Hải Phòng 1 dự kiến sẽ phát điện vào tháng 10/2009 còn Hải Phòng 2 dự kiến phát điện vào năm 2012. Như vậy công suất tăng thêm tương đương 24 MWh. Do vậy, kế hoạch doanh thu đặt ra là có thể đạt được. Với việc kiểm soát tiết kiệm chi phí và việc điều chỉnh giá điện bù đắp các khoản tăng chi phí đầu vào thì kế hoạch lợi nhuận đặt ra cho năm 2009, 2010 và 2011 Công ty đều có thể đạt được.

### **14.3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và định hướng đầu tư phát triển**

- Tiếp tục thực hiện tốt, ổn định sản xuất kinh doanh điện năng
- Tăng cường đầu tư vào các nhà máy điện để đảm bảo vị thế hiện nay về sản xuất và kinh doanh trong EVN
- Tích cực đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, nâng cao uy tín và vị thế trong lĩnh vực sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt các thiết bị điện đưa Công ty đến năm 2010 là một trong 5 đơn vị hàng đầu về lĩnh vực này
- Công ty tích cực tìm kiếm cơ hội đầu tư phù hợp với lợi thế, sở trường và định hướng của Chính Phủ nhằm đem lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.

### **15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Dưới góc độ của một tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Bà Rịa. Trên cơ sở kết quả kinh doanh năm 2008 và giá trị các hợp đồng của Công ty, kế hoạch kinh doanh đã ký kết thì nhận thấy rằng lợi nhuận và cổ tức từ năm 2009 đến 2011 nêu trên đều có tính khả thi nếu không có những biến động ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của doanh nghiệp. Theo đó, Công ty đưa ra tỉ lệ cổ tức 5%/năm vào năm 2009, 7%/năm vào năm 2010 và 9% vào năm 2011, đây là mức cổ tức mà Công ty có khả năng chi trả.

Ngoài ra, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn cũng đưa ra một số phân tích, đánh giá chung để khái quát về tình hình hoạt động của Công ty dựa trên các khía cạnh như điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và các rủi ro. Theo đó:

#### **Điểm mạnh:**

- Ban lãnh đạo và bộ máy quản lý nhiều năm kinh nghiệm (trên 20 năm)
- Lực lượng lao động có trình độ tay nghề cao nên Công ty có thể phát triển thêm các dịch vụ kỹ thuật cao như: sửa chữa, bảo dưỡng

- Tham gia thị trường điện, Nhiệt Điện Bà Rịa có lợi thế về chi phí trong sản xuất điện so với các nhà máy điện hiện nay và các nhà máy nhiệt điện khác tới đây sẽ đưa vào vận hành do các tài sản cố định đã khấu hao hết hoặc gần hết nên chi phí sẽ giảm đi
- Công ty đang và sẽ có các dự án đầu tư mới nhà máy điện đảm bảo vị thế hiện nay của Công ty trong ngành điện

**Điểm yếu:**

- Trong 10 tổ máy chủ yếu là công nghệ Châu Âu, có 2 tổ máy GT1 và GT2 được đưa vào hoạt động khá lâu (trên 15 năm) hoạt động theo chu trình đơn, chi phí hoạt động khá cao so với các tổ máy khác, chỉ hoạt động trong giờ cao điểm ảnh hưởng đến sản lượng điện phát ra
- Chi phí nhiên liệu (khí đồng hành và dầu DO) cao so với các doanh nghiệp khác cùng ngành sử dụng nhiên liệu đầu vào là than hoặc dầu FO, chiếm 65-75% và khấu hao tài sản cố định chiếm khoảng 11% tổng chi phí sản xuất.
- Chi phí đầu tư, sửa chữa, bảo dưỡng hàng năm lớn (từ 6% đến 15%) ảnh hưởng đến chi phí giá thành

**Cơ hội:**

- Năm 2009, các dự án nguồn điện đi vào hoạt động thực tế vẫn chưa nhiều, nhu cầu về điện vẫn tăng (cầu vượt cung) nên Nhiệt điện Bà Rịa và các nhà máy điện khác dù hoạt động mức công suất cao, tối đa vẫn không đáp ứng đủ.
- Theo tính toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế với tốc độ tăng trưởng từ 7,5-8% với mục tiêu đến năm 2020 Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp thì trong 20 năm tới (đến 2025) nhu cầu điện sẽ phải tăng từ 15-17% mỗi năm.
- Ngoài ra, là một thành viên của EVN, Công ty có nhiều thuận lợi và điều kiện phát triển kinh doanh điện năng và các dịch vụ liên quan khác
- Ngành điện là ngành được Nhà nước khuyến khích đầu tư

**Nguy cơ:**

- Trong quá trình hoạt động kinh doanh có thể có sự cố đối với một số chi tiết máy trong hệ thống máy móc ảnh hưởng đến công suất sản xuất điện của tổ máy chính (ví dụ: đường nước, đường hơi, sấy không khí, hệ thống van khí, dầu bôi trơn...)
- Giá nguyên nhiên liệu đầu vào có thể tăng, nguồn khí suy giảm, Công ty phải sử dụng dầu DO với chi phí rất cao ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty
- Trong dài hạn, khi các doanh nghiệp tham gia vào thị trường cạnh tranh, Công ty sẽ chịu sự cạnh tranh trực tiếp từ các doanh nghiệp sản xuất điện trong ngành

**16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết**

**Bảng 18: Danh sách các cam kết nhưng chưa thực hiện**

STT	Nội dung	Giá trị (VNĐ) (tính theo mệnh giá)	Thời điểm đã góp	Còn phải góp (VNĐ) (tính theo mệnh giá)	Thời điểm sẽ góp
1.	Góp vốn vào Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh	100.000.000.000đ	31/07/2009	40.000.000.000	Theo tiến độ góp vốn của Công ty CP Nhiệt Điện Quảng Ninh
2.	Góp vốn vào Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng	100.000.000.000đ	11/9/2009	40.000.000.000	Theo tiến độ góp vốn của Công ty CP Nhiệt Điện Hải Phòng

Nguồn: BTP

**17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan đến Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết**

Không có

## V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

### 1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông

### 2. Mệnh giá cổ phiếu

10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu

### 3. Tổng số cổ phiếu niêm yết

60.485.600 (Sáu mươi triệu, bốn trăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm) cổ phiếu

### 4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật

#### 4.1. Hạn chế chuyển nhượng cổ phần đối với cổ đông sáng lập

Công ty được cấp Giấy phép ĐKKD ngày 01/11/2007 nên đến ngày 01/11/2010, cổ đông sáng lập sẽ không còn bị hạn chế chuyển nhượng.

#### 4.2. Hạn chế chuyển nhượng đối với thành viên HĐQT, Ban TGD, BKS, Kế toán trưởng

Thành viên HĐQT, Ban TGD, BKS, Kế toán trưởng cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo. Số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng do cam kết trên là 990.900 CP (chiếm 1,638% vốn cổ đông).

**Bảng 19: Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng căn cứ vào sổ cổ đông chốt ngày 31/7/2009**

Stt	Họ và tên	Chức danh	Số CMND	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng
1	Phạm Hữu Hạnh	Chủ tịch HĐQT	273250472	8.500
2	Huỳnh Lin	UVHĐQT; TGD	273234995	2.100
3	Lê Thế Sơn	Ủy viên HĐQT	142469006	670.000
4	Phạm Quốc Thái	UVHĐQT; KTT	273250468	2.100
5	Phan Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	021983486	1.000
6	Nguyễn Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc	273250469	3.200



		đốc		
7	Lưu Văn Hồng	Trưởng Ban KS	273252059	4.000
8	Trần Thị Bảo Xuân	Ủy viên Ban KS	273022945	0
9	Hoàng Chí Khương	Ủy viên Ban KS	022854013	300.000
<b>TỔNG CỘNG</b>				990.900

Nguồn: BTP

## 5. Phương pháp tính giá

### 5.1 Phương pháp P/B

Theo phương pháp P/B, giá của cổ phiếu BTP được tính toán dựa trên giá trị sổ sách 1 cổ phiếu của BTP tại ngày 31/12/2008 và chỉ số P/B tham chiếu là chỉ số giá trên giá trị sổ sách (P/B) bình quân của các công ty ngành điện đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại thời điểm 16/07/2009.

Theo báo cáo tài chính đã kiểm toán thời điểm 31/12/2008, giá trị sổ sách 1 cổ phiếu của Công ty được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị sổ sách} \\ \text{Công ty tại thời} \\ \text{điểm 31/12/2008} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Tổng giá trị tài sản - (Tài sản} \\ \text{vô hình + Nợ) tại thời điểm} \\ \text{31/12/2008} \end{array} \quad 869.127.550.641}{\begin{array}{l} \text{Số cổ phiếu đang lưu hành tại} \\ \text{thời điểm 31/12/2008} \end{array} \quad 60.485.600} = \frac{\quad}{\quad} = \mathbf{14.369} \quad (\text{đồng/cổ phiếu})$$

Chỉ số P/B bình quân của các công ty ngành điện đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại thời điểm 16/07/2009 là **1,68X**.

Do đó, giá 1 cổ phiếu dự kiến của BTP theo phương pháp P/B = 14.369 x 1,68 = **24.140** đồng/cổ phiếu.

### 5.2 Giá giao dịch OTC

- Giao dịch OTC đến thời điểm ngày 25/07/2009 là 12.000-14.000 đồng/cổ phiếu (theo báo Đầu tư chứng khoán ngày 27/07/2009)

### 5.3 Kết luận

Qua so sánh giữa 2 phương pháp tính giá trên, HĐQT Công ty dự kiến giá niêm yết khởi điểm của một cổ phiếu BTP dựa trên giá trung bình của 2 phương pháp là **18.000** đồng/cổ phiếu.

## **6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài**

- Điều lệ Công ty không quy định giới hạn tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài. Nhà đầu tư nước ngoài được phép mua cổ phần của Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành;
- Tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tuân theo quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, trong đó qui định nhà đầu tư nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa **49%** tổng số cổ phiếu của Công ty cổ phần đại chúng. Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên SGDCK TP HCM thì các cổ đông nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phiếu theo các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành;

Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài (tổ chức và cá nhân) tại Công ty hiện nay là 8 %, tương đương 4.694.081 cổ phần. (Nguồn: Sổ cổ đông NĐBR chốt ngày 30 tháng 06 năm 2009).

## **7. Các loại thuế có liên quan**

**Thuế thu nhập doanh nghiệp:** Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đang áp dụng hiện hành là 28%.

Từ năm 2009, thuế suất áp dụng là 25% theo *Điều 10, Khoản 1 của luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12* ngày 03/06/2008 hiệu lực thi hành ngày 01/01/2009.

Theo Nghị định số 187/2004/NĐ-CP Công ty được miễn thuế TNDN trong 2 năm đầu, và giảm 50% thuế TNDN trong 2 năm tiếp theo, đến 01/11/2007 Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần, thời điểm này Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 đã được áp dụng và Công ty không được ưu đãi thuế TNDN khi chuyển thành công ty cổ phần.

**Thuế thu nhập cá nhân liên quan đến chứng khoán:** Theo qui định tại *Điều 3 Khoản 3 Điểm b, Khoản 4 Điểm b, Khoản 9, Khoản 10 Luật thuế thu nhập cá nhân*: thu nhập từ cổ tức, chuyển nhượng chứng khoán, nhận thừa kế, quà tặng là chứng khoán thuộc thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân

- ❖ **Đối với thu nhập từ cổ tức:** *Điều 7 Khoản 1 Thông tư 62/2009/TT-BTC* ngày 27/03/2009 hướng dẫn sửa đổi *Thông tư 84/2008/TT-BTC* của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của *Luật thuế thu nhập cá nhân* và hướng dẫn thi hành *Nghị định 100/2008/NĐ-CP* của Chính phủ về việc qui định chi tiết một số điều của *Luật thuế thu nhập cá nhân*: Cá nhân nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc nhận cổ phiếu thưởng chưa phải nộp thuế thu nhập cá nhân khi nhận cổ phiếu. Khi chuyển nhượng cổ phiếu, cá nhân phải nộp thuế thu nhập cá nhân đối với hoạt động chuyển nhượng chứng khoán và thu nhập từ đầu tư vốn.

Căn cứ để xác định số thuế thu nhập cá nhân phải nộp là giá thực tế tại thời điểm chuyển



nhượng và thuế suất thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

Nếu giá thực tế chuyển nhượng cổ phiếu thấp hơn mệnh giá thì không phải nộp thuế thu nhập cá nhân.

Nếu giá thực tế chuyển nhượng cổ phiếu cao hơn mệnh giá thì cá nhân nộp thuế theo mức thuế suất 0,1% trên giá thực tế chuyển nhượng hoặc theo mức thuế suất 20% trên chênh lệch giữa giá thực tế chuyển nhượng với mệnh giá hoặc giá trị cổ tức ghi trên sổ sách kế toán.

- ❖ **Đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:** Điều 16 Khoản 1 Nghị định 100/2008/NĐ-CP của Chính phủ về việc qui định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân: Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng chứng khoán, bao gồm cả chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu được xác định bằng giá bán chứng khoán trừ (-) giá mua, các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng.

Khoản 2 Điều 17 Nghị định 100: Thuế suất áp dụng là 20% trên tổng thu nhập tính thuế cả năm hoặc 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Đối với nhà đầu tư là cá nhân không cư trú tại Việt Nam thì thuế suất áp dụng là 0,1% trên từng lần chuyển nhượng.

- ❖ **Đối với thừa kế, quà tặng là chứng khoán:** Mục II Điều 7.1.4 Thông tư 84/2008/TT-BTC: thu nhập để tính thuế của chứng khoán là giá trị chứng khoán tại thời điểm chuyển quyền sở hữu.

Điều 7.2 Thông tư 84 thì Thuế suất áp dụng là 10%

**Thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan đến chứng khoán:** Điểm 1.2 Phần E Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và hướng dẫn thi hành nghị định 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 qui định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán của doanh nghiệp là thu nhập có được từ chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số chứng khoán của doanh nghiệp đã tham gia đầu tư chứng khoán cho một hoặc nhiều tổ chức cá nhân khác.

Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng chứng khoán trong kỳ được xác định bằng giá bán chứng khoán trừ (-) giá mua của chứng khoán chuyển nhượng, trừ (-) các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng.

Điểm 2.2 Thông tư 130: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 25%.

Đối với tổ chức Việt Nam số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Thuế TNDN} \\ \text{phải nộp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Thu nhập} \\ \text{tính thuế} \end{array} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$



*Điều 1 Thông tư 72/2006/TT-BTC ngày 10/08/2006 sửa đổi, bổ sung thông tư 100/2004/TT-BTC của Bộ tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực chứng khoán: các quỹ đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài được thành lập theo pháp luật nước ngoài, không có tư cách pháp nhân tại Việt Nam nhưng có mở tài khoản đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, các tổ chức thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam thực hiện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương thức khoán: 0,1% tổng giá trị chứng khoán bán ra tại thời điểm chuyển nhượng.*

**Qui định về giãn thời hạn nộp thuế thu nhập cá nhân:** *Theo qui định tại Điều 1 Khoản 1, Điều 2 Khoản 1 Thông tư 27/2009/TT-BTC ngày 06/02/2009 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện việc giãn thời hạn nộp thuế thu nhập cá nhân thì cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú có thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng chứng khoán thuộc đối tượng được giãn nộp thuế thu nhập cá nhân từ ngày 01/01/2009 đến hết ngày 31/05/2009.*

*Khoản 3.3 Điều 2 Thông tư 27 thì số thuế được giãn nộp, cá nhân có thu nhập được giữ lại trong thời gian được giãn.*

## **VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT**

### **1. Tổ chức kiểm toán**

❖ **Công ty TNHH Kiểm toán Phương Đông ICA**

Địa chỉ : Số 208, Nguyễn Trọng Tuyển, Quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh  
Điện thoại : (84.4) 4491 476/ 4491 477 Fax: (84.4) 4491 475  
Email : pcahcm@pca.com.vn

### **2. Tổ chức tư vấn**

❖ **Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)**

**Hội sở**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, P.Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84.8) 3 824 2897 Fax: (84.8) 3 824 2997  
E-mail: [ssi@ssi.com.vn](mailto:ssi@ssi.com.vn) Website: [www.ssi.com.vn](http://www.ssi.com.vn)

**Chi nhánh Nguyễn Công Trứ**

Địa chỉ: 92-94-96-98 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84.4) 3 821 8567 (84.4) 3 821 3867

**Phòng giao dịch 3/2**

Địa chỉ: 03 đường 3/ 2, Phường 11, Quận 10, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (08) 3 818 1450 Fax: (08) 3 818 1451

**Phòng giao dịch Hồng Bàng**

Địa chỉ: 769 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 6, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (08) 3 969 5898 Fax: (08) 3 9695894

**Chi nhánh tại Hà Nội**

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền,, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội.  
Điện thoại: (84.4) 3 936 6321 Fax: (84.4) 3 936 6311  
Email: [ssi\\_hn@ssi.com.vn](mailto:ssi_hn@ssi.com.vn)

**Chi nhánh Trần Bình Trọng**

Địa chỉ: 25 Trần Bình Trọng, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội.  
Điện thoại: (84.4) 3 942 6718 Fax: (84.4) 3 942 6719

**Chi nhánh Hải Phòng**

Địa chỉ: 22 Lý Tự Trọng, Q.Hồng Bàng, Hải Phòng  
Điện thoại: (84.31) 3 356 9123 Fax: (84.31) 3 356 9130

**Chi nhánh Vũng Tàu**



---

Địa chỉ: 04 Lê Lợi, Phường 1, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Điện thoại: (84.64) 3 521 906

Fax: (84.64) 3 521 907



*Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 24 tháng 8 năm 2009*

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

**PHẠM HỮU HẠNH**

**HUỲNH LIN**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

**PHẠM QUỐC THÁI**

**LƯU VĂN HỒNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

**GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**

**NGUYỄN HỒNG NAM**



## **VII. PHỤ LỤC**

- Phụ lục I.** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Phụ lục II.** Điều lệ Công ty thông qua ngày 23/10/2007
- Phụ lục III.** Báo cáo kiểm toán năm 2007, năm 2008, và Báo cáo tài chính quý 3/2009.
- Phụ lục IV.** Nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua việc niêm yết cổ phiếu.
- Phụ lục V.** Những văn bản pháp luật liên quan đến ngành nghề Công ty hoạt động